

V/v báo cáo tình hình vận hành
lưới điện truyền tải tháng 04/2025

Kính gửi:

- Cục Điện lực;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 04/2025 như phụ lục đính kèm.

EVNNPT kính đề nghị Cục Điện lực và Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia cung cấp địa chỉ email chính thức để EVNNPT gửi báo cáo qua email theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVN (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Các ban: KH, AT, QLXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 04/2025

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 4/2025, lưới điện truyền tải cơ bản vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 4 sự cố (02 sự cố lưới điện 500kV, 02 sự cố lưới 220kV), tăng 02 sự cố so với tháng 3/2025. Nguyên nhân cả 4 sự cố đều do sét.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 4/2025, lưới điện truyền tải xảy ra nhảy MC tại 14 TBA do bảo vệ tần số thấp tác động:

- Ngày 23/4/2025, do ảnh hưởng của sự cố đường dây 500kV 572 Tân Uyên - 576 Vĩnh Tân, gây mất liên kết lưới 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây - Tân Uyên và và lưới 220kV Phan Thiết - Hàm Tân làm gián đoạn liên kết lưới điện khu vực Vĩnh Tân cấp điện vào miền Nam, hệ thống thiếu hụt nguồn đã dẫn đến tần số hệ thống giảm thấp và tác động sa thải phụ tải theo tần số thấp đối với các ngăn lộ trung áp (ngưỡng tác động 49Hz và 48,8Hz) tại 14 TBA thuộc lưới điện truyền tải:

TT	Trạm biến áp	Ngăn lộ	Tần số chỉnh định (Hz)	Thời gian chỉnh định (s)	Rơ le tác động đúng/sai	Tần số tác động theo bản ghi (Hz)	Công suất trước sự cố (MW)	Ghi chú
I	PTC1						37.2	
1	Hà Đông	379	49	0s	Đúng	49	1.0	Khôi phục lúc 14h28 cùng ngày
2		474	49	0s	Đúng	49	6.0	
3		475	48,8	0s	Đúng	48.8	2.2	
4	Sóc Sơn	475	48,9	0s	Không tác động			Đăng ký cắt điện để thí nghiệm và xác định nguyên nhân
5		478	49	0s	Không tác động			
6	Thái Nguyên	473	49	0s	Đúng	49	4.0	Khôi phục lúc 14h30' cùng ngày
7		380	49	0s	Đúng	49	12.0	
8		381	49	0s	Đúng	49	12.0	
9		474	48.8	0s	Không tác động			Đăng ký cắt điện để thí nghiệm và xác định nguyên nhân
II	PTC2						54.8	
1	Trạm 220 Hòa Khánh	471	49	0.08	Đúng	48.99	6.0	Khôi phục lúc 14h38 cùng ngày
2		473	48.8	0.08	Đúng	48.79	7.0	
3		476	48.8	0.08	Đúng	48.8	3.2	
4		478	48.8	0.08	Đúng	48.79	9.3	
5	Trạm 220	472	49	0	Đúng	48.74	3.6	Khôi phục

6	Ngũ Hành Sơn	473	49	0.08	Đúng	48.74	7.3	lúc 14h31 - 14h41 cùng ngày
7		478	48.8	0.1	Đúng	48.74	8.9	
8		484	49	0.1	Đúng	48.74	1.5	
9	Trạm 220 kV Huế	473	48.8	0.1	Đúng	48.79	2.0	Khôi phục lúc 14h22 cùng ngày
10		475	48.8	0.1	Đúng	48.79	6.0	
II	PTC3						14.5	
1	Nha Trang	472	49	0	Đúng	49	0.0	Khôi phục lúc 14h30 - 14h37 cùng ngày
2		473	49	0	Đúng	49	1.0	
3		475	48.8	0	Đúng	48.8	5.5	
4	Bảo Lộc	474	48.8	0	Đúng	49	0.0	Khôi phục lúc 14h38 -14h53 cùng ngày
5		478	49	0	Đúng	48.8	8.0	
II	PTC4						78.9	
1	220kV Cát	473	48.8	0	Đúng	48.7	10	Đã khôi phục vận hành từ 14h44-15h06 cùng ngày
2	Lái	475	48.8	0	Đúng	48.7	1.5	
3	220kV Long	474	48.8	0	Đúng	48.7	2	
4	Thành	476	48.8	0	Đúng	48.7	1.5	
5	220kV Long	479	48.8	0	Đúng	48.7	6	
6	Bình	486	49	0.04	Đúng	48.9	11	
7	220kV Phú Lâm	476	48.8	0	Đúng	48.7	12.3	
8	220kV Hóc Môn	484	49	0	Đang cô lập			Xuất tuyến đang cô lập từ ngày 23/10/2024 theo yêu cầu của Điện lực
9	220kV Cai	475	48.8/0s	0	Đúng	48.7	14	Đã khôi phục vận hành từ 14h44-15h06 cùng ngày
10	Lậy	479	49.0/0s	0	Đúng	48.7	11	
11	220kV Đức Hoà	478	49.0/0s	0	Đúng	48.9	7	
12	220kV Long Xuyên 2	473	48.8/0s	0	Đúng	48.74	2.6	
Tổng công suất sa thải bởi F81							185.4	

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 4/2025 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao, thấp như sau:

Lưới điện 500kV: 06 trạm biến áp (TBA) xuất hiện điện áp cao, tại khu vực miền Bắc gồm TBA 500kV Thanh Hóa và Vũng Áng, điện áp cao nhất 536,1kV tại TBA 500kV Thanh Hóa lúc 04h04' ngày 07/4/2025; khu vực miền Trung tại TBA 500kV Thanh Mỹ, điện áp cao nhất 527,5kV lúc 23h03' ngày 30/4/2025; miền Nam TBA 500kV Ô Môn, Chơn Thành, Phú Mỹ, điện áp cao nhất là 528,1kV lúc 06h03' ngày 20/4/2025.

Lưới điện 220kV: 02 TBA xuất hiện điện áp cao tại thanh cái 220kV TBA Yên Bái, Tuyên Quang, điện áp cao nhất tại TBA 220kV Tuyên Quang là 243,4kV lúc 10h01' ngày 30/4/2025; khu vực miền Trung, miền Nam điện áp vận hành trong giới hạn cho phép.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp: (i) dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3, tiến độ hoàn thành dự kiến năm 2025; (ii) dự án lắp bổ sung tụ bù ngang trên lưới điện miền Bắc năm 2025 đã hoàn thành đóng điện 20/21 giàn tụ bù 110kV; còn 01 dự án tụ bù TBA 220kV Dương Kinh đã lắp đặt hoàn thiện ngày 26/4/2025 và dự kiến đóng điện đồng bộ với dự án TBA Dương Kinh trong tháng 6/2025.

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 04/2025 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 04	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	51	229.00	817	28.0
2	PTC1	58	325.00	817	39.8
3	PTC2	23	148.00	817	18.1
4	PTC3	2	39.00	817	4.8
5	PTC4	70	193.00	817	23.6
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	0.75	0.75	13.81	5.4
2	PTC1	0.00	0.00	13.81	0.0
3	PTC2	0.00	0.00	13.81	0.0
4	PTC3	0.00	0.00	13.81	0.0
5	PTC4	2.36	2.36	13.81	17.1
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.05	0.29	0.93	31.2
2	PTC1	0.07	0.34	0.93	36.6
3	PTC2	0.05	0.35	0.93	37.6
4	PTC3	0.01	0.08	0.93	8.6
5	PTC4	0.04	0.24	0.93	25.8

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 4/2025 là 2,20% (0,488 tỷ kWh) giảm 0,14% so với cùng kỳ 2024 (2,34%), thấp hơn 0,20% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 1,86% (0,213 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 43,6%) giảm 0,28% so với cùng kỳ 2024 (2,14%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,13% (0,275 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 56,4%) giảm 0,06% so với cùng kỳ 2024 (1,19%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, Số MBA/Thời gian đầy, quá tải (số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	38	Miền Bắc	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		37	Miền Trung	0/0.0	1/1.0	0/0.0	1/1.0
		46	Miền Nam	0/0.0	1/1.0	0/0.0	1/1.0
	MBA	28	Miền Bắc	5/73.0	0/0.0	0/0.0	5/73.0
		20	Miền Trung	1/1.0	0/0.0	0/0.0	1/1.0
		23	Miền Nam	2/6.0	0/0.0	0/0.0	2/6.0
220kV	Đường dây	209	Miền Bắc	8/149.6	0/0.0	0/0.0	8/149.6
		152	Miền Trung	5/51.0	0/0.0	0/0.0	5/51.0
		181	Miền Nam	7/15.0	3/3.0	1/1.0	7/19.0
	MBA	156	Miền Bắc	4/25.0	2/2.0	0/0.0	4/27.0
		77	Miền Trung	2/7.0	0/0.0	0/0.0	2/7.0
		118	Miền Nam	27/396.0	5/23.0	1/7.0	27/426.0

a) Khu vực miền Bắc

• Lưới điện 500kV

Đường dây:

- Đường dây (ĐD) vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.
- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (tải trên 100% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp:

- 05/28 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: AT1 Vũng Áng do nhà máy phát cao; AT1, AT2 Hiệp Hòa; AT1, AT2 Việt Trì do tải cao.
- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

• Lưới điện 220kV

Đường dây:

- 08/206 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm 273 Hiệp Hoà - 271 Phú Bình; 274 Hưng Đông - 276 Hà Tĩnh; 275 Hưng Đông - 275 Hà Tĩnh; 275 Nho Quan - 272 Phủ Lý; 275 Phố Nối - 271 Yên Mỹ; 285 Phả Lại - 273, 274 Bắc Giang; 277 SPP Vũng Áng - 231 T500 Vũng Áng.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 04/155 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT4, AT5 Hà Đông; AT1, AT2 Than Uyên.

- 02/155 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT1, AT2 Than Uyên.

b) Khu vực miền Trung

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/20 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Di Linh do nguồn điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 05/152 ĐD thường xuyên vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 không xuất hiện; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy phát cao như: 271 Đa Nhim - 271 Đức Trọng; 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Đức Trọng - 276 Di Linh; 273 Ninh Phước - 272 Phước Thái; 273 Hàm Thuận - 272 Phan Thiết.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/77 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: (i) PTC2 không xuất hiện; (ii) PTC3 gồm AT1, AT2 Ninh Phước do khai thác cao nguồn NLTT.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây

- ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/22 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Duyên Hải do nhà máy phát cao; AT2 Phú Mỹ do nhà máy phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 07/180 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bến Cát (274) - Chơn Thành (275); Long Bình (275) - TBA 500kV Long Thành (276); Long Thành (278) - Phú Mỹ (253,284); Long Thành (279) - An Phước (271); Long Thành (280) - An Phước (272); Thuận An (275) - Hóc Môn (272) do tải cao.

- 03/180 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Long Bình (275) - TBA 500kV Long Thành (276); Bến Cát - Chơn Thành 2 mạch.

Máy biến áp

- 27/117 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1 An Phước; AT1, AT2 Bến Cát; AT1, AT2 Cao Lãnh; AT1, AT2 Đức Hòa; AT2 Giá Rai; AT1, AT2, AT3 Long Bình; AT2 Long Thành; AT1, AT2 Mỹ Tho; AT2 Rạch Giá; AT1 Trà Nóc; AT1, AT2 Tao Đàn; AT1 Uyên Hưng; AT3, AT4, AT7 Phú Lâm; AT3, AT4 Sông Mỹ; AT3, AT4 Tân Định do tải cao.

- 05/117 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT1 An Phước; AT2 Giá Rai; AT1 Long Bình; AT2 Long Thành, AT1 Trà Nóc.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 4/2025, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành không xảy ra sự cố dẫn đến hư hỏng thiết bị.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thống kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	14/04/2025	100.53	1.00

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
2	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	14/04/2025	100.53	1.00

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	Không xuất hiện			

b. PTC2**Trạm biến áp:**

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	Không xuất hiện			

c. PTC3**Trạm biến áp:**

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông	23/4/2025	104	1

d. PTC4**Trạm biến áp:**

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 220kV An Phước	AT1	01/04/25 12:00	102.42	1
2	Trạm 220kV An Phước	AT1	09/04/25 13:00	100.38	1
3	Trạm 220kV An Phước	AT1	09/04/25 14:00	100.49	1
4	Trạm 220kV An Phước	AT1	10/04/25 12:00	101.98	1
5	Trạm 220kV An Phước	AT1	21/04/25 07:00	101.23	1
6	Trạm 220kV An Phước	AT1	22/04/25 13:00	100.55	1
7	Trạm 220kV An Phước	AT1	22/04/25 14:00	102.01	1
8	Trạm 220kV An Phước	AT1	22/04/25 15:00	101.35	1
9	Trạm 220kV An Phước	AT1	23/04/25 12:00	101.87	1
10	Trạm 220kV An Phước	AT1	23/04/25 14:00	100.98	1
11	Trạm 220kV An Phước	AT1	23/04/25 15:00	101.64	1
12	Trạm 220kV Giá Rai	AT2	26/04/25 20:00	100.94	1
13	Trạm 220kV Long Bình	AT1	15/04/25 13:00	100.40	1

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
14	Trạm 220kV Long Bình	AT1	21/04/25 14:00	100.89	1
15	Trạm 220kV Long Bình	AT1	23/04/25 13:00	103.40	1
16	Trạm 220kV Long Thành	AT2	21/04/25 13:00	104.71	1
17	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	17/04/25 12:00	110.51	1
18	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	17/04/25 13:00	113.83	1
19	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	17/04/25 14:00	114.18	1
20	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	17/04/25 15:00	116.87	1
21	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	18/04/25 12:00	110.21	1
22	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	18/04/25 13:00	112.77	1
23	Trạm 220kV Trà Nóc	AT1	18/04/25 15:00	112.89	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	220kV Bền Cát (273) - Chơn Thành (276)	23/04/25 15:00	109.63	1
2	220kV Bền Cát (274) - Chơn Thành (275)	23/04/25 15:00	112.44	1
3	220kV Long Bình (275) - Long Thành 500 (276)	04/04/25 13:00	104.06	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

Công tác theo kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách MBA AT1 T500 Vũng Áng, Tách MC 531, 561, 231, 341 T500 Vũng Áng	02/4	7.00	02/4	18.00
2	Tách ĐD 571 T500 Hà Tĩnh - 571 T500 Vũng Áng Tách MC 571, 572 T500 Hà Tĩnh Tách C51, MC 561, 571 T500 Vũng Áng	10/4	7.00	10/4	18.00
3	Tách C52 T500 Vũng Áng	15/4	7.00	15/4	18.00
4	Tách ĐD 575 T500 Vũng Áng - 572 Quảng Trạch, Tách MC 575, 565 T500 Vũng Áng	16/4	7.00	16/4	18.00
5	Tách ĐD 585 T500 Vũng Áng - 571 Quảng Trạch, Tách MC 585, 565 T500 Vũng Áng	18/4	7.00	18/4	18.00
6	Tách ĐD 582 Nho Quan - 573 Thường Tín; MC 573, 563 T500 Thường Tín; MC 581, 582 T500NQ	03/04	5.00	03/04	17.00
7	Tách ĐD 572 Thường Tín - 571 Tây Hà Nội; MC 562, 572 T500 Thường Tín; 571, 572 T500THN	12/04	5.00	12/04	17.00
8	Tách: MBA AT1 MC530 MC531 MC 231 T500TT	06/04	5.00	06/04	17.00

9	Tách ĐD 571 Thường Tín - 578 Tây Hà Nội; MC 561, 571 T500 Thường Tín, 571, 577 T500THN, Tách Scada 3giờ trong thời gian sửa chữa HT MTĐK.	13/04	5.00	13/04	17.00
10	Tách MBA AT2, MC 232 T500 Việt Trì	02/04	0.00	02/04	7.00
11	Tách ĐD 571 Quảng Ninh - 571 NĐ Mông Dương; MC 571, 561 T500 Quảng Ninh	02/04	5.00	02/04	17.00
12	Tách ĐD 572 Quảng Ninh - 573 NĐ Mông Dương; MC 572, 562 T500 Quảng Ninh (Sáng tách chiều trả)	28/04	5.00	29/04	17.00
13	Tách ĐD 571 TĐ Sơn La - 578 Sơn La; MC 577, 578 T500 Sơn La	02/04	5.00	02/04	17.00
14	Tách ĐD 573 TĐ Sơn La - 579 Sơn La; MC 579, 580 T500 Sơn La	03/04	5.00	03/04	17.00
15	Tách ĐD 575 TĐ Sơn La - 575 Nho Quan; MC 575, 576 KH505 T500NQ, MC K591; KH 591 T500 Sơn La (Sáng tách chiều trả)	07/04	5.00	09/04	17.00
16	Tách ĐD 574 NĐ Thăng Long - 576 Quảng Ninh; MC 576, 566 T500 Quảng Ninh (Sáng tách chiều trả)	07/04	5.00	09/04	17.00
17	Tách ĐD 572 NĐ Thăng Long - 571 Phô Nội; MC 571, 561 T500 Phố Nối (Sáng tách chiều trả)	21/04	5.00	23/04	17.00
18	Tách ĐD 585 Hiệp Hòa – 574 Đông Anh; Tách MC 584, 585 T500 Hiệp Hòa; MC 573, 574 T500 Đông Anh	20/04	5.00	20/04	17.00
19	Tách ĐD 585 Hiệp Hòa – 574 Đông Anh; Tách MC 584, 585 T500 Hiệp Hòa; MC 573, 574 T500 Đông Anh	26/04	5.00	26/04	17.00
20	Tách ĐD 585 Hiệp Hòa – 574 Đông Anh; Tách MC 584, 585 T500 Hiệp Hòa; MC 573, 574 T500 Đông Anh	27/04	5.00	27/04	17.00
21	Tách ĐD 278 T500 Hiệp Hòa - 272 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3); MC 278T500HH; MC 272 E27.15	20/04	5.00	20/04	17.00
22	Tách ĐD 272 T500 Đông Anh - 271 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3); MC 272 T500ĐA; MC 271 E27.15	26/04	5.00	26/04	17.00
23	Tách ĐD 277 T500 Hiệp Hòa - 271 T500 Đông Anh; MC 277 T500HH; MC 271 T500ĐA	27/04	5.00	27/04	17.00
24	Tách ĐD 274 E4.4 (220kV Việt Trì) - 271 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 274 E4.4; MC 271 E4.15 (Sáng tách chiều trả)	01/04	5.00	02/04	17.00
25	Tách BVSL thanh cái C21A/C22A bộ 1 T500 Lào Cai (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	01/04	6.00	01/04	22.00
26	Tách TC C22 và MBA AT2, MC 272, 274; 132 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	01/04	22.00	02/04	6.00

27	Tách TC C21 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	02/04	6.00	02/04	13.00
28	Tách BVSL thanh cái C21A/C22A bộ 2 T500 Lào Cai (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	02/04	6.00	02/04	22.00
29	Tách ngăn lộ 212 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	02/04	22.00	07/04	8.00
30	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	02/04	18.00	03/04	5.00
31	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	05/04	22.00	07/04	8.00
32	Tách lần lượt TC C11, C12 + ngăn lộ 112 E4.15 (220kV Phú Thọ);	03/04	5.00	03/04	20.00
33	Tách ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 271 E14.6; MC 275 E12.3	03/04	5.00	06/04	20.00
34	Tách ĐD 171 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 171 A16.16 (TĐ Mông Ân), Tách lần lượt thanh cái C11, C12 E16.5 (220kV Bảo Lâm)	03/04	5.00	03/04	15.00
35	Tách ĐD 272 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 274 E12.3 (220kV Yên Bái); MC 274 E12.3; MC 272 E4.15	03/04	5.00	03/04	17.00
36	Tách ĐD 274 T500 Việt Trì – 273, 274 E25.2 (220kV Vĩnh Yên); MC 274 T500 Việt Trì; MC 273, 274 E25.2	04/04	5.00	04/04	16.00
37	Tách TBN 103; MC T103 E14.6 (220kV Tuyên Quang) (khi khôi phục Thao tác Đóng/cắt MC T103 có tải 05 lần, mỗi lần cách nhau 15 phút)	04/04	6.00	04/04	15.00
38	Tách ĐD 272 E1.35 (220kV Sơn Tây) - 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 272 E1.35; MC 271 E25.10	05/04	5.00	06/04	17.00
39	Tách ĐD 173 E22.4 (220kV Hà Giang) - 174 E22.1 (110kV Hà Giang); Tách lần lượt thanh cái C11, C12 E22.4 (220kV Hà Giang)	05/04	5.00	05/04	15.00
40	Tách TC C21, MC 271, 273 E17.50 (220kV Mường La)	05/04	5.00	05/04	20.00
41	Tách ĐD 271, 274 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 (267) T500 Lào Cai; MC 287, 267 T500LK; MC 271, 274 E22.40 (Sáng tách chiều trả)	05/04	5.00	06/04	17.00
42	Tách ĐD 277 T500 Phố Nối - 286 E8.30 (220kV ND Hải Dương); MC 277 T500PN; MC 286;	05/04	5.00	08/04	19.00

	256 E8.30				
43	Tách ĐD171 T500 Lai Châu - 171 A29.46 (TĐ Nậm Pi); MC 171 T500 Lai Châu	05/04	7.00	05/04	17.00
44	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 273 T500HH; MC 271 E6.16	05/04	20.00	07/04	8.00
45	Tách lần lượt TC C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình)	05/04	22.00	06/04	8.00
46	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 272 E26.5; MC 275 E6.2; TC C21 E26.5	06/04	5.00	06/04	15.00
47	Tách TC C22, MC 272, 274 E17.50 (220kV Mường La)	06/04	5.00	06/04	20.00
48	Tách ĐD 171 E22.4 (220kV Hà Giang) - 171 A22.32 (TĐ. Sông Lô 2); Tách lần lượt thanh cái C11, C12 E22.4 (220kV Hà Giang)	06/04	5.00	06/04	15.00
49	Tách ĐD172 T500 Lai Châu - 171 A29.16 (TĐ Nậm Na 3); MC 172 T500 Lai Châu	06/04	7.00	06/04	17.00
50	Tách bảo vệ F87B phía 220kV E6.16 (220kV Phú Bình) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	06/04	22.00	07/04	8.00
51	Tách bảo vệ F87B phía 220kV T500HH (500kV Hiệp Hoà) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	06/04	22.00	07/04	8.00
52	Tải lập ca Trục E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	07/04	0.00	12/04	22.00
53	Tách ĐD174 T500 Lai Châu - 171 A21.10 (TĐ Nậm He); MC174 T500 Lai Châu	07/04	7.00	07/04	17.00
54	Tách ĐD 274 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 274 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 274 E16.2; MC 274 E26.5;	08/04	5.00	08/04	17.00
55	Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E16.2 (220kV Cao Bằng)	08/04	5.00	08/04	17.00
56	Tách ĐD 273 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 273 E12.3 (220kV Yên Bái); MC 273 E12.3; MC 273 E4.15(Sáng tách chiều trả)	08/04	5.00	09/04	17.00
57	Tách ngăn lộ 172, 178, 182 E4.15 (220kV Phú Thọ) (chưa có xuất tuyến)	08/04	7.00	09/04	17.00

58	Tách C22 E4.15 (220kV Phú Thọ);	08/04	7.00	08/04	16.00
59	Tách ĐD 278 E12.3 (220kV Yên Bái) - 286 (266) T500 Lào Cai; MC 286, 266 T500 Lào Cai; MC 278 E12.3 (Sáng tách chiều trả)	09/04	5.00	11/04	17.00
60	Tách ĐD 278 T500 Phố Nối - 285 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 278 T500PN; MC 285; 255 E8.30	09/04	5.00	12/04	19.00
61	Tách ĐD 271,272 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 275 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 275 E1.19; MC 271, 272 E25.2	09/04	5.00	09/04	17.00
62	Tách MBA AT2, MC 232, 132 và 177 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	09/04	5.00	09/04	17.00
63	Tách ĐD 271,272 A22.30 (TĐ Nho Quê 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 271 E16.2; Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E16.2 (220kV Cao Bằng)	09/04	5.00	09/04	17.00
64	Tách ĐD 273 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 272 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 273; 274 E16.5; MC 272 E16.2; Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E16.2 (Cao Bằng); Thanh cái C24 E16.5 (220kV Bảo Lâm)	10/04	5.00	10/04	16.00
65	Tách ĐD 276 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 272 E14.6; MC 276 E12.3	10/04	5.00	14/04	20.00
66	Tách ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 271 E14.6; MC 275 E12.3 (220kV Yên Bái)	10/04	5.00	12/04	20.00
67	Tách thanh cái C24A T500 Lào Cai	10/04	9.00	10/04	15.00
68	Tách ĐD172 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 171 A20.42 (TĐ Suối Chấn 2); MC 172 E20.23	11/04	0.00	11/04	9.30
69	Tách ĐD 273 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 271 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 273 E16.2; MC 271 E26.5; Tách lần lượt TC C21, C22 E16.2 (Cao Bằng); Tách lần lượt TC C21, C22 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	11/04	5.00	11/04	16.00
70	Tách lần lượt C21A, C22A và tách ngăn lộ 212 T500 Lào Cai	11/04	5.00	11/04	20.00
71	Tách ĐD172 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E25.17 (Sông Lô); MC 172 E4.4	11/04	7.00	14/04	7.00
72	Tách TC C11 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	11/04	13.00	11/04	20.00

73	Tách BVSL TC 87B 110kV, tách BV 50BF phía 110kV E25.2 (220kV Vĩnh Yên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	11/04	22.00	12/04	16.00
74	Tách ĐD 172 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.3 (110kV Gò Đầm), ngăn lộ 172 E6.16 (220kV Phú Bình)	12/04	0.00	12/04	7.00
75	Tách ĐD 276 T500 Phô Nôi - 271272 E28.1 (220kV Phô Nôi); MC 276 T500 PN; MC 271 272 E28.1 (Sáng tách chiều trả)	12/04	4.00	13/04	16.00
76	Tách MBA AT2, MC 232, 132; Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E16.2 (220kV Cao Bằng)	12/04	5.00	12/04	16.00
77	Tách ĐD 275 T500 Sơn La - 271, 272 E17.50 (220kV Mường La); MC 271, 272 E17.50; 275 T500SL	12/04	5.00	12/04	20.00
78	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 274 T500HH và MC 272 E6.16, Tách lần lượt TC C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình)	12/04	5.00	12/04	16.00
79	Tách ĐD178 E6.16 (220kV Phú Bình) - 171 E6.13 (Yên Bình); 178 E6.16	13/04	0.00	13/04	7.00
80	Tách ĐD172 E17.50 (220kV Mường La) - 172 A17.29 (TĐ Pá Chiến); MC 172; TC C19 E17.50	13/04	5.00	13/04	18.00
81	Tách ĐD 272 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 273 E26.5 (Sáng tách chiều trả); Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	13/04	5.00	14/04	17.00
82	Tách ĐD 276 E20.3 (220kV Lào Cai) - 274 E20.23 (220kV Bảo Thắng); MC 276 E20.3; MC 274 E20.23(Sáng tách chiều trả)	13/04	5.00	14/04	17.00
83	Tách MC 433 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	13/04	6.00	13/04	14.00
84	Tái lập ca trực E28.10 (220kV Kim Động)	13/04	7.00	19/04	19.00
85	Tách thanh cái C12 E25.2 (220kV Vĩnh Yên); và Tách ĐD171 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.1 (Phúc Yên); MC 171 E25.2	14/04	6.00	14/04	14.00
86	Tách ngăn lộ 282, 262 T500 Lào Cai; (ngăn lộ dự phòng chưa có xuất tuyến)	14/04	7.00	14/04	17.00
87	Tách ĐD 271 E17.6 (220kV Sơn La) – 272; 273 A17.55 (TĐ Suối Sập 2A); MC 271 E17.6; Tách lần lượt TC C21; C22; MC 212 E17.6 (220kV Sơn La)	15/04	5.00	15/04	22.00
88	Tách ĐD 271 E4.4 (220kV Việt Trì) – 271, 272 A17.55 (TĐ Suối Sập 2A); MC 271 E4.4 (Sáng tách chiều trả)	15/04	5.00	17/04	17.00
89	Tách ĐD 273 Quảng Ninh – 272 E5.8 (220kV Hoàng Bò); MC 272; 200 E5.8; MC 273; MC 200 T500QN (Sáng tách chiều trả)	15/04	5.00	17/04	20.00
90	Tách ĐD 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 171	15/04	5.00	15/04	16.00

	E6.24 (110kV Đa Phúc), MC 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn)				
91	Tách ngăn lộ 284, 264 TT500 Lào Cai; (ngăn lộ dự phòng chưa có xuất tuyến)	15/04	7.00	15/04	17.00
92	Tách thanh cái C11 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	15/04	7.00	15/04	14.00
93	Tách thanh cái C12 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	15/04	14.00	15/04	21.00
94	Tách bảo vệ SLTC F87B, F50BF phía 110kV T500HH (500kV Hiệp Hòa) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	15/04	22.00	16/04	16.00
95	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 273 E17.6; MC 276 T500SL	16/04	5.00	16/04	22.00
96	Tách ĐD 274 E7.15 (220kV Quang Châu) - 273, 274 E27.6 (220kV Bắc Ninh); MC 274 E7.15; MC 273; 274 E27.6	16/04	5.00	16/04	17.00
97	Tách ĐD 176 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.19 (110kV Yên Dũng); Ngăn lộ 2 đầu TBA	16/04	5.00	16/04	16.00
98	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E12.3 (220kV Yên Bái)	16/04	7.00	16/04	17.00
99	Tách TC C11 T500 Phố Nối	16/04	22.00	17/04	7.00
100	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 274 E14.6 và 274 E6.16	17/04	5.00	17/04	17.00
101	Tách ĐD 178 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.14 (110kV Lục Nam); Ngăn lộ 178 E7.6 (220kV Bắc Giang)	17/04	5.00	17/04	16.00
102	Tách TC C11 E28.10 (220kV Kim Động)	17/04	7.00	17/04	20.00
103	Tách C11 và Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E12.3 (220kV Yên Bái)	17/04	7.00	17/04	17.00
104	Tách lần lượt TC C11, C12. MC 112 E1.35 (220kV Sơn Tây)	17/04	8.00	17/04	16.00
105	Tách thanh cái C11 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	17/04	13.00	17/04	20.00
106	Tách TC C12 T500 Phố Nối	17/04	22.00	18/04	7.00
107	Tách bảo vệ SLTC F87B, F50BF phía 110kV E1.19 (220kV Sóc Sơn) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	17/04	22.00	18/04	16.00
108	Tách ĐD 272 T500 Quảng Ninh – 271 E5.8 (220kV Hoàng Bồ) MC 271; MC 200 E5.8; MC 272; MC 200 T500QN	18/04	5.00	18/04	20.00
109	Tách ĐD 273 T500 Việt Trì - 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC 273 T500 Việt Trì;	18/04	5.00	20/04	17.00

	MC 272 E25.10 (Sáng tách chiều trả)				
110	Tách ĐD 271 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 271 E13.10 (220kV Lạng Sơn); MC 271 E7.6 và MC 271 E13.10	18/04	6.00	23/05	16.00
111	Tách TC C12 E28.10 (220kV Kim Động)	18/04	7.00	18/04	20.00
112	Tách lần lượt TC C21, C22. MC 212 E1.35 (220kV Sơn Tây)	18/04	8.00	18/04	16.00
113	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E28.10 (220kV Kim Động) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	18/04	22.00	19/04	16.00
114	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV T500 Phô Nôi. (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	18/04	22.00	19/04	7.00
115	Tách ĐD 171 E7.15 (220kV Quang Châu) - 171 E7.26 (110kV Quang Châu 2); MC 171 E7.15	19/04	5.00	19/04	16.00
116	Tách 02 ĐD 271 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 271 T500 Hiệp Hoà; MC 271 E1.19; MC 271 T500HH và ĐD 272 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 272 T500 Hiệp Hoà; MC 272 E1.19; MC 272 T500HH .	19/04	5.00	19/04	17.00
117	Tách ĐD173 E17.50 (220kV Mường La) - 174 E17.3 (Mường La); MC 173; TC C19E17.50	20/04	5.00	20/04	18.00
118	Tách ĐD 272 E12.3 (220kV Yên Bái) - 274 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 274 E20.3; MC 272 E12.3	20/04	7.00	20/04	17.00
119	Tách ĐD 274 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 273 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 274; 200 E5.9; MC 273; MC 200 E5.8	21/04	5.00	21/04	20.00
120	Tách ĐD 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 273 E20.3; MC 271 E12.3	21/04	7.00	21/04	17.00
121	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 273 E14.6 (Sáng tách chiều trả)	22/04	5.00	24/04	17.00
122	Tách ĐD 275 T500 Hiệp Hoà - 273 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 273 E1.19; MC 275 T500HH	22/04	5.00	22/04	17.00
123	Tách ĐD 276 T500 Hiệp Hoà - 274 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 274 E1.19; MC 276 T500HH	23/04	5.00	23/04	17.00
124	Tách ĐD 271 T500 Việt Trì - 273 E4.4 (220kV Việt Trì); MC 271 T500 Việt Trì; MC 273 E4.4 (Sáng tách chiều trả)	24/04	5.00	25/04	17.00
125	Tách ĐD174 E4.15 (220kV Phú Thọ) - 172 E4.9 (Ninh Dân); MC 174 E4.15	24/04	6.00	24/04	17.00
126	Tách ĐD 272 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 281 T500 Lào Cai; MC 281, 261 T500 Lào Cai; MC 272 E20.23 (Sáng tách chiều trả)	25/04	5.00	26/04	17.00

127	Tách ĐD 271 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 285 T500 Lào Cai; MC 285, 265 T500 Lào Cai; MC 271 E20.23(Sáng tách chiều trả)	27/04	5.00	28/04	17.00
128	Đóng điện lần lượt thiết bị TC C29, TU C29, C19, TU C19 T500NQ	05/04	8.00	05/04	10.00
129	Tách ĐD 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trục Ninh); MC272, TC C22, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	08/04	6.00	08/04	17.00
130	Tách ĐD 271, 272 E3.7 (220kV Nam Định) - 272 E3.20 (220kV Trục Ninh); MC272, TC C21, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	09/04	6.00	06/03	17.00
131	Tách ĐD 273 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 272 A11.10 (NĐ Thái Bình 2); MC273, TC C21, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	10/04	6.00	10/04	17.00
132	Tách ĐD 273 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 272 A11.10 (NĐ Thái Bình 2); MC273, TC C22, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	11/04	6.00	11/04	17.00
133	Tách ĐD 274 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 271 A11.10 (NĐ Thái Bình 2); MC274, TC C22, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	14/04	6.00	14/04	17.00
134	Tách ĐD 274 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 271 A11.10 (NĐ Thái Bình 2); MC274, TC C21, MC 212 E3.20 (220kV Trục Ninh)	15/04	6.00	15/04	17.00
135	Đóng điện lần lượt thiết bị MC100, TC C19, TUC19 E24.4 (220kV Phù Lý)	15/04	9.00	15/04	11.00
136	Tách đường dây 272 E24.15 (220kV Thanh Nghị) – 272 E9.2 (220kV Ba Chè)	09/04	6.00	09/04	17.00
137	Tách đường dây 272 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 271(273) A9.25 (Thủy điện Hòa Na)	08/04	6.00	08/04	17.00
138	Tách đường dây 271 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 274 E23.1 (220kV Ninh Bình), MC 271 E9.20 (220kV Bim Sơn)	03/04	6.00	05/04	6.00
139	Tách MBA AT2, tách MC232, 132, 432 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	01/04	7.00	01/04	17.00
140	Tách MBA AT1, tách MC231, 131, 431 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	02/04	7.00	02/04	22.00
141	Tách Thanh Cái C11 E9.2 (220kV Ba Chè)	12/04	13.00	12/04	18.00
142	Tách bảo vệ F87B phía 110kV E9.2 (220kV Ba Chè)	12/04	22.00	13/04	16.00
143	Tái lập ca trực E9.2 (220kV Ba Chè)	07/04	6.00	13/04	22.00
144	Ngăn dự phòng 200, TC C29, 176, 177, 178, 100, TC C19 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)	06/04	8.00	06/04	10.00
145	Ngăn dự phòng 271, 272, 200, TC C29, 173 E15.40 (220kV Tương Dương)	14/04	8.00	14/04	10.00
146	Tách đường dây 271 A18.10 (NĐ Vũng Áng) - 271 T500 Hà Tĩnh và 273 A18.10VA-271, 272 Đồng Hới	10/04	5.00	10/04	19.00
147	Tách đường dây 272 A18.10 (NĐ Vũng Áng) -	11/04	5.00	11/04	19.00

	278 T500 Hà Tĩnh và 274 A18.10VA-272 A18.15FMS				
148	Tách ĐD 231 T500 Vũng Áng - 277 NMD Vũng Áng 1. Đóng TĐ 231- 76 T500 Vũng Áng	02/04	7.00	02/04	18.00
149	Tách ĐD171 (E1.45) Long Biên - 172 Mai Lâm (E1.41); MC 171 E1.45 (220kV Long Biên)	01/04	8.00	01/04	17.00
150	Tách ĐD173 (E1.45) Long Biên - 171 Ngọc Thụy (E1.79); MC 173 E1.45 (220kV Long Biên)	03/04	8.00	03/04	17.00
151	Tách ĐD174 (E1.45) Long Biên - 172 Trâu Quỳ (E1.69); MC 174 E1.45 (220kV Long Biên)	08/04	8.00	08/04	17.00
152	Tách MBA AT6, MC 236, 136 E1.3 (220kV Mai Động)	08/04	0.01	08/04	12.00
153	Tách ĐD172 E1.3 (220kV Mai Động) - 172 E1.12 (Trần Hưng Đạo) - 171 E1.18 (Bờ Hồ)	10/04	8.00	10/04	16.00
154	Tách ĐD176 E1.3 (220kV Mai Động) - 172 E1.10 (Văn Điển) - 172 E1.62 (Ngọc Hồi)	11/04	8.00	11/04	16.00
155	Tách thanh cái C11 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	16/04	7.00	16/04	14.00
156	Tách thanh cái C12 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	16/04	14.00	16/04	20.00
157	Tách BVSL thanh cái F87B 110kV E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	16/04	22.00	17/04	16.00
158	Đóng điện ngăn lộ tụ bù T102 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	17/04	16.00	17/04	19.00
159	Đóng điện định kỳ 3 tháng/lần các thiết bị dự phòng: C29, TUC29, ngăn lộ 200 (T500TT)	23/04	8.00	23/04	9.00
160	Tách thanh cái C21, MBA AT5 E1.6 (220kV Chèm) (MBA AT5 chỉ có 1 DCL 235-1 đầu vào TC C21, không có DCL-2)	03/04	22.00	04/04	6.00
161	Tách thanh cái C22 E1.6 (220kV Chèm)	05/04	22.00	06/04	6.00
162	Dùng MC 200 thay MC 271, tách MC 271 E1.6 (220kV Chèm). (Bảo vệ ngăn đường dây 271 đầy đủ: Gồm F87L ngăn 271 và bảo vệ F21 ngăn 200, bảo vệ F85 ngăn 200)	12/04	6.00	12/04	18.00
163	Tách đường dây 273 E1.6 (220kV Chèm) - 271 E1.40 (220kV Tây Hồ), MC 273, tách TC C29.E1.6 (220kV Chèm)	15/04	6.00	15/04	18.00
164	Tách MC 112 E1.6 (220kV Chèm).	18/04	6.00	18/04	16.00
165	Tách ĐD172 E1.6 (220kV Chèm) - 172 E1.33 (Cầu Diễn), TC C19. E1.6 (220kV Chèm)	21/04	6.00	21/04	18.00
166	Tách MBA T6, MC 136, MC 436 E1.4 (220kV Hà Đông)	30/03	22.00	04/04	22.00
167	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	30/03	22.00	31/03	2.00
168	Tách MC 100 E1.4 (220kV Hà Đông)	03/04	10.00	04/04	22.00
169	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	04/04	21.00	04/04	23.00
170	Tách thanh cái C19 E1.4 (220kV Hà Đông)	04/04	18.00	04/04	22.00
171	Dùng MC 100 thay thế MC 136 E1.4 (220kV Hà Đông) E1.4 (Còn F87T1, F50 ngăn 436, F67 ngăn 100)	04/04	23.00	05/04	0.00

172	Tách ĐD180 E1.4 (220kV Hà Đông) - 172 E1.74 (Thạch Thất 2), MC 180 E1.4 (220kV Hà Đông)	31/03	0.00	03/04	0.00
173	Tách thanh cái C11 E1.4 (220kV Hà Đông)	31/03	0.00	01/04	6.00
174	Tách thanh cái C12 E1.4 (220kV Hà Đông)	02/04	0.00	02/04	12.00
175	Tách thanh cái C11 E1.4 (220kV Hà Đông)	02/04	12.00	02/04	18.00
176	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	02/04	22.00	03/04	1.00
177	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	04/04	22.00	05/04	2.00
178	Tách ĐD 271 E1.4 (220kV Hà Đông) – 271 E1.11 (220kV Thành Công), MC 271 E1.4 (220kV Hà Đông), MC 271 E1.11 (220kV Thành Công)	04/04	22.00	05/04	8.00
179	Tách MC 200 E1.4 (220kV Hà Đông)	04/04	22.00	05/04	8.00
180	Dùng MC 200 thay thế MC 271 E1.4 (220kV Hà Đông) (Tách chức ngăn F87L), còn hợp bộ bảo vệ F21, F85 và hợp bộ bảo vệ F67 ngăn lộ 200)	05/04	8.00	08/04	20.00
181	Tách MBA AT4, MC 234, MC 134, 434 E1.4 (220kV Hà Đông)	05/04	9.00	08/04	17.00
182	Tách ĐD 271 E1.4 (220kV Hà Đông) – 271 E1.11 (220kV Thành Công), MC 271 E1.4 (220kV Hà Đông), MC 271 E1.11 (220kV Thành Công)	08/04	20.00	09/04	7.00
183	Tách MC 200 E1.4 (220kV Hà Đông)	08/04	20.00	09/04	7.00
184	Tách BVSL TC 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	09/04	4.00	09/04	8.00
185	Dùng MC 200 thay MC 271 E1.4 (220kV Hà Đông); Xin tách chức năng F87L (Còn hợp bộ bảo vệ F21 ngăn 271, hợp bộ F21, F85 ngăn lộ 200)	09/04	7.00	09/04	8.00
186	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	10/04	8.00	13/04	21.00
187	Tách MC 200 E1.4 (220kV Hà Đông)	10/04	10.00	10/04	15.00
188	Dùng MC 200 thay thế MC 271 Trạm 220kV Hà Đông E1.4 (Còn hợp bộ bảo vệ F87 ngăn 271, hợp bộ F21, F85 ngăn lộ 200)	10/04	15.00	10/04	22.00
189	Dùng MC 200 thay thế lần lượt MC 272, 273, 274, 275, 276 Trạm 220kV Hà Đông E1.4 (ngăn 272, 273 dự phòng), Ngăn 274,275,276 Còn F87L, F21, F67 ngăn lộ 200	10/04	22.00	11/04	22.00
190	Dùng MC 200 thay thế lần lượt MC 277, 278, 279 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn hợp bộ bảo vệ F87 ngăn 277, hợp bộ F21, F85 ngăn lộ 200)	11/04	22.00	12/04	22.00
191	Tách MC 212 E1.4 (220kV Hà Đông)	12/04	22.00	13/04	5.00
192	Dùng MC 200 thay thế lần lượt MC 233, 234 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F87T2, F67 ngăn 200)	13/04	5.00	13/04	16.00
193	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	13/04	16.00	13/04	21.00
194	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	14/04	8.00	17/04	21.00

195	Tách MC 100 E1.4 (220kV Hà Đông)	14/04	10.00	14/04	15.00
196	Dùng MC100 thay thế MC171 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn hợp bộ bảo vệ F87 ngăn 171, hợp bộ F21 ngăn lộ 100)	14/04	15.00	14/04	22.00
197	Dùng MC100 thay thế lần lượt MC 172, 173, 174, 175, 177 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn hợp bộ bảo vệ F87 ngăn 172, hợp bộ F21 ngăn lộ 100)	14/04	22.00	15/04	22.00
198	Dùng MC100 thay thế lần lượt MC 178, 181 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn hợp bộ bảo vệ F21 ngăn 178, hợp bộ F21 ngăn lộ 100)	15/04	22.00	16/04	7.00
199	Dùng MC100 thay thế lần lượt MC 131, 132 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F67 ngăn 100)	16/04	7.00	16/04	17.00
200	Dùng MC100 thay thế MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F87T2, F67 ngăn 233, F67 ngăn 100)	16/04	17.00	16/04	22.00
201	Dùng MC100 thay thế MC 134 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F87T2, F67 ngăn 234, F50 ngăn 434, F67 ngăn 100)	16/04	22.00	17/04	2.00
202	Dùng MC100 thay thế MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F87T2, F67 ngăn 235, F67 ngăn 100)	17/04	2.00	17/04	5.00
203	Dùng MC100 thay thế MC 136 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F67 ngăn 436, F67 ngăn 100)	17/04	5.00	17/04	10.00
204	Tách MC 112 E1.4 (220kV Hà Đông)	17/04	10.00	17/04	15.00
205	Tách MC 180 E1.4 (220kV Hà Đông)	17/04	15.00	17/04	20.00
206	Tách MC T101 E1.4 (220kV Hà Đông)	17/04	20.00	18/04	1.00
207	Tách MC T102 E1.4 (220kV Hà Đông)	18/04	1.00	18/04	6.00

Công tác ngoài kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách TC C11, MC 131 (Dùng MC 100 thay) E6.16 (220kV Phú Bình)	01/04	0.00	01/04	7.00
2	Dùng MC 100 thay lần lượt 173,174, 175, 176 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	01/04	3.00	01/04	6.00
3	Tách ĐD 232(252) A100 (TĐ Hoà Bình) - 276 T500 Tây Hà Nội; MC 276 T500THN	01/04	5.00	02/04	19.00
4	Tách ĐD 275 E2.1 (220kV Đông Hoà) - 278 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 275 E2.1	01/04	5.00	30/04	22.00
5	Tách TBN 102; MC T102 E28.10 (220kV Kim Động)	01/04	6.00	01/04	14.00
6	Thử TTX tình huống chuyển đổi TC ngăn 177 E25.2 (220kV Vĩnh Yên)	01/04	6.00	01/04	9.00

	(ngăn 177 E25.2 đã tháo tách lều ĐD chưa đầu nối XT)				
7	Tách TC C11, MC 176 (Dùng MC100 thay) E7.6 (220kV Bắc Giang) (Còn bảo vệ F87L, F21) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	02/04	6.00	02/04	15.00
8	Tách TBN 101; MC T101 E28.15 (220kV Yên Mỹ)	02/04	6.00	02/04	17.00
9	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	02/04	18.00	03/04	6.00
10	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 271 E6.2; 272 E6.20	02/04	22.00	07/04	6.00
11	Tách TC C12, MC 112 E6.16 (220kV Phú Bình)	03/04	0.00	03/04	7.00
12	Tách TC C12, lần lượt dùng MC100 thay MC 131, 171 E17.50 (220kV Mường La)	03/04	5.00	03/04	20.00
13	Tách ĐD 240(260) A100 (TĐ Hoà Bình) - 277 T500 Tây Hà Nội; MC 277 T500THN	03/04	5.00	04/04	19.00
14	Tách lần lượt MC 133, 134 (Dùng MC 100 thay lần lượt) T500 Phố Nối; Tách BVSL MBA (F87T2 bộ ngoài lấy TI MC) lần lượt MBA AT3, AT4 T500 Phố Nối (còn BV F67, F87T1 và BV công nghệ MBA)	03/04	7.00	03/04	17.00
15	Đóng điện TBĐP ngăn lộ 175, 176, 177, 178, 180 E16.2 (220kV Cao Bằng) (đóng DCL-7, ngăn lộ chưa đầu nối XT ĐD)	03/04	9.00	03/04	11.00
16	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E5.8 (220kV Hoà Bình)	03/04	22.00	04/04	7.00
17	Tách ĐD 278 T500 Phố Nối - 285 E8.30 (220kV ND Hải Dương); MC 278 T500PN; MC 285; 255 E8.30	04/04	5.00	08/04	19.00
18	Tách TC C12, lần lượt dùng MC 100 thay MC 132, 173 E17.50 (220kV Mường La)	04/04	5.00	04/04	20.00
19	Tách ĐD 175 E5.9 (220kV Trảng Bách) - 171 E8.8 (XM Phúc Sơn); MC 175 E5.9	04/04	6.00	04/04	22.00
20	Tách Scada tại E5.9 (220kV Trảng Bách)	04/04	15.00	04/04	20.00

21	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.8 (220kV Hoàn Bồ)	04/04	22.00	05/04	7.00
22	Tách TC C22; MC 278 và 277 (Dùng MC 200 thay) T500 Phố Nối	04/04	22.00	05/04	7.00
23	Tách lần lượt TC C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình) - Kết hợp tách ĐD 220kV 271 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 273 E6.16 (220kV Phú Bình)	04/04	22.00	05/04	7.00
24	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	05/04	0.00	05/04	22.00
25	Tách ĐD 276 T500 Phố Nối - 271, 272 E28.1 (220kV Phố Nối); MC 276 T500PN; MC 271, 272 E28.1 (Sáng tách chiều trả)	05/04	5.00	06/04	17.00
26	Tách ĐD171 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.6 (Yên Mỹ); MC 171 E28.1	05/04	6.00	05/04	17.00
27	Tách ĐD172 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.22 (Dị Sử); MC 172 E28.1; MC 172 E28.1	05/04	6.00	05/04	17.00
28	Tách ĐD175 E28.1 (220kV Phố Nối) - 172 E28.12 (Minh Đức); MC 175 E28.1	05/04	6.00	05/04	17.00
29	Tách ĐD176 E28.1 (220kV Phố Nối) - 171 E28.23 (Nhân Hòa); MC 176 E28.1	05/04	6.00	05/04	17.00
30	Tách MBA AT2, MC 232, 132 E7.15 (220kV Quang Châu)	05/04	6.00	05/04	17.00
31	Tách TC C11 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	05/04	7.00	05/04	17.00
32	Tách TC C19, MC 100 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	05/04	7.00	05/04	17.00
33	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E25.10 (220kV Vĩnh Tường) và Tách F87T2 bộ ngoài (còn BV F67, F87T1 và BV công nghệ MBA) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	05/04	22.00	05/04	23.00
34	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	05/04	22.00	07/04	6.00
35	Tách ĐD172 E2.1 (220kV Đông Hoà) - 171 E2.12 (Lê Chân) - 171 E2.3 (Lạch Tray) - 172 E2.5 (Cửa Cấm) - 171 E2.13 (Cát Bi) - 172 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 172 E2.1 và MC 172 E2.20	05/04	23.00	06/04	6.00
36	Tách ĐD 173 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.18 (110kV Yên Bình 3)	06/04	0.00	06/04	6.00
37	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431; Tách lần lượt TC C11, C12 E22.4	06/04	5.00	06/04	16.00

	(220kV Hà Giang)				
38	Tách TC C22 E5.9 (220kV Tràng Bạch)	06/04	7.00	06/04	17.00
39	Tách ĐD174 E25.10 (Vĩnh Tường 220kV) - 171 E25.18 (Yên Lạc); MC 174 E25.10	06/04	8.00	06/04	17.00
40	Tách lần lượt TC C21, C22 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	09/04	5.00	09/04	17.00
41	Tách ĐD 275 E22.4 (220kV Hà Giang) - 271 A22.10 (TĐ Thái An); MC 275 E22.4 (Sáng tách chiều trả)	10/04	5.00	11/04	17.00
42	Tách ĐD175 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 171, 172 E20.25 (GT Lào Cai) - 172 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 175 E20.23	13/04	8.00	13/04	17.00
43	Tách ĐD 277 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 275 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 277 E2.1; MC 275 E2.20	15/04	5.00	20/04	22.00
44	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 271 E6.2; 272 E6.20	07/04	0.00	11/04	6.00
45	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	07/04	0.00	07/04	5.00
46	Tách lần lượt thanh cái C11, C12 E16.2 (220kV Cao Bằng)	07/04	6.00	07/04	16.00
47	Dùng MC 200 thay lần lượt các MC 271, 272, 273, 274 (còn bảo vệ F21, F67, F87L), 231, 232 (còn bảo vệ F67; F87T1; T87T2) E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	07/04	7.00	07/04	16.00
48	Đóng điện thiết bị dự phòng các ngăn lộ 171, 172, 173, 177, 178, 180, 181, 185, 186, 187 E22.40 (220kV Bắc Quang)- Đóng DCL -1 và -7 các ngăn lộ (ĐD chưa đấu nối xuất tuyến)	07/04	9.00	07/04	11.00
49	Tách lần lượt TC C21, C22 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	07/04	22.00	08/04	6.00
50	Tách MBA AT2; MC 232, 132 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	07/04	22.00	08/04	6.00
51	Đóng điện TBDP ngawn 178, 181 (đóng DCL-7, chưa đấu nối XT ĐD) E29.5 (220kV Than Uyên)	07/04	08h00'	07/04	09h00'
52	Tách thanh cái C11, ngăn lộ 131 (Dùng MC100 thay thế MC 131- Còn bảo vệ F67/67N) E6.16 (220kV Phú Bình)	08/04	0.00	08/04	7.00
53	Tách ĐD171 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 172 E2.12 (Lê Chân) - 172 E2.3 (Lạch Tray) - 171 E2.5 (Cửa Cấm) - 172 E2.13	08/04	0.00	08/04	5.00

	(Cát Bi) - 171 E2.20 (220kV Đình Vũ) MC 171 E2.20; MC 171 E2.1. (Phối hợp lịch cắt điện của B2)				
54	Tách ĐD 276 E5.9 (220kV Trảng Bạch) – 274 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 276 E5.9; MC 274 E2.9 (Sáng tách chiều trả)	08/04	6.00	09/04	16.00
55	Tách ĐD174 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E10.9 (Xuân Mai); MC 174; TC C19 E10.5 (220kV Xuân Mai)	08/04	7.00	08/04	15.00
56	Dùng MC 100 thay lần lượt các MC 171, 172, 173 (còn bảo vệ F21, F67, F87L); 174, 175, 176 (còn bảo vệ F21, F67, F87); 131, 132 (còn bảo vệ F67; F87T1; T87T2) E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	08/04	7.00	08/04	16.00
57	Tách ĐD 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6	08/04	7.00	09/04	17.00
58	Dùng MC 200 thay MC 272 E4.4 (220kV Việt Trì) (còn BV F21, F87L, F67)	08/04	7.00	08/04	14.00
59	Tách TBN 101, MC T101; MC 100 TC C19 T500 Tây Hà Nội	08/04	8.00	08/04	17.00
60	Tách MC 431 E2.9 (220kV Vật Cách)	08/04	13.00	08/04	17.00
61	Tách lần lượt các ngăn lộ 177, 178 E5.8 (220kV Hoàng Bồ) (ngăn DP chưa đấu nối XT ĐD)	08/04	16.00	08/04	17.00
62	Tách thanh cái C21 E2.9 (220kV Vật Cách)	08/04	22.00	09/04	6.00
63	Tách lần lượt TC C11, C12 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	08/04	23.00	09/04	6.00
64	Tách ngăn lộ TBN T101 E6.16 (220kV Phú Bình)	09/04	6.00	09/04	17.00
65	Đóng điện TBDP các ngăn lộ dự phòng 100, TC C19 E1.35 (220kV Sơn Tây)	09/04	9.00	09/04	15.00
66	Tách lần lượt thanh cái C11, C12 E7.15 (220kV Quang Châu)	09/04	22.00	10/04	7.00
67	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	09/04	23.00	10/04	3.00
68	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.8 (220kV Hoàng Bồ)	10/04	3.00	10/04	6.00
69	Tách ĐD 275 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 281 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 275 E8.20 ; MC 281, 251 E8.30	10/04	6.00	10/04	16.00
70	Tách thanh cái C11 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	09/04	22.00	10/04	7.00
71	Tách thanh cái C12 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	10/04	22.00	11/04	7.00
72	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh	10/04	22.00	11/04	6.00

	hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)				
73	Tách ĐD 276 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 282 E8.30 (220kV NB Hải Dương); MC 276 E8.20; MC 282; 252 E8.30	11/04	6.00	11/04	16.00
74	Dùng MC100 thay thế MC 171 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N; Tách BV F87L ĐD171 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.4 (Thịnh Đán)	11/04	6.00	11/04	7.00
75	Tách TC C12 và Dùng 100 thay 175 E4.15 (220kV Phú Thọ) (còn BV F21, F67)	11/04	7.00	11/04	16.00
76	Dùng MC100 thay thế MC 172 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N	11/04	7.00	11/04	8.00
77	Đóng điện TBPDP lần lượt ngăn MC 180, MC 100; TC C19 E17.6 (220kV Sơn La)	11/04	8.00	11/04	9.00
78	Dùng MC100 thay thế MC 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N	11/04	8.00	11/04	9.00
79	Dùng MC100 thay thế MC 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N	11/04	9.00	11/04	10.00
80	Dùng MC100 thay thế MC 175 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N Tách BV F87L ĐD172 A6.0 (NB Cao Ngạn) - 175 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	11/04	10.00	11/04	11.00
81	Dùng MC100 thay thế MC 176 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N Tách BV F87L ĐD171 A6.0 (NB Cao Ngạn) - 176 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	11/04	13.00	11/04	14.00
82	Dùng MC100 thay thế MC 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N; Tách BV F87L ĐD177 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.8 (XM Thái Nguyên)	11/04	14.00	11/04	15.00
83	Dùng MC100 thay thế MC 178 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - Còn BV: 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N Tách BV F87L ĐD178 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.8 (XM Thái Nguyên)	11/04	15.00	11/04	16.00
84	Tách ĐD 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 273 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 272 E7.6; MC 273 E6.2	11/04	20.00	14/04	8.00
85	Tách bảo vệ SLTC F87B, F50BF phía 110kV T500HH (500kV Hiệp Hòa) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	11/04	22.00	12/04	16.00
86	Tách MC 212 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	11/04	22.00	15/04	22.00

87	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	11/04	22.00	12/04	5.00
88	Tách ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 271 E14.6; MC 275 E12.3	12/04	0.00	15/04	22.00
89	Tách TC C11 E2.9 (220kV Vật Cách)	12/04	0.10	12/04	12.00
90	Tách ngăn lộ TBN T101 E7.15 (220kV Quang Châu)	12/04	6.00	12/04	17.00
91	Tách ĐD 271 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.1 (220kV Đồng Hoà); MC 271E2.9; MC 271 E2.1	12/04	6.00	12/04	16.00
92	Tách TC C12 và tách ngăn lộ 181 E20.23 (220kV Bảo Thắng), MC 181 E20.23	12/04	7.00	12/04	17.00
93	Tách TC C22 và Dừng 200 thay 231 E4.15 (220kV Phú Thọ) (Còn BV F87T1, F87T2 và F67)	12/04	7.00	12/04	16.00
94	Tách TC C12 E2.9 (220kV Vật Cách)	12/04	12.00	12/04	23.59
95	Tách TC C12; MC 171 (Dùng MC 100 thay) T500 Tây Hà Nội	12/04	13.00	12/04	20.00
96	Tách TC C12 T500 Phố Nối	12/04	22.00	13/04	7.00
97	Tách thanh cái C11 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	12/04	22.00	13/04	7.00
98	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV T500 Tây Hà Nội (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	12/04	22.00	13/04	16.00
99	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 273 E17.6; MC 275 T500SL	13/04	0.00	13/04	16.00
100	Tách ĐD 272 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.1 (220kV Đồng Hoà); MC 272 E2.9; MC 272 E2.1	13/04	6.00	13/04	16.00
101	Tách MC 172, 173, 112 E29.5 (220kV Than Uyên); Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	13/04	6.00	13/04	11.00
102	Tách MBA AT2, MC 132 E29.5 (220kV Than Uyên)	13/04	6.00	13/04	15.00
103	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E6.16 (220kV Phú Bình)	13/04	8.00	13/04	16.00

104	Tách TC C11 E1.35 (220kV Sơn Tây)	13/04	13.00	13/04	20.00
105	Tách MC 200 E7.6 (220kV Bắc Giang) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	13/04	20.00	14/04	6.00
106	Tách bảo vệ SLTC F87B, F50BF phía 110kV T500 Phố Nối (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	13/04	22.00	14/04	7.00
107	Tách bảo vệ SLTC F87B, F50BF phía 110kV E1.19 (220kV Sóc Sơn) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	13/04	22.00	14/04	16.00
108	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E1.35 (220kV Sơn Tây) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	13/04	22.00	14/04	16.00
109	Dùng MC 200 thay thế MC 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - Còn bảo vệ 2 bộ F21, 01 bộ F85)	14/04	15.00	14/04	15.00
110	Tách bảo vệ SLTC F87B phía 220kV E6.2 (220kV Thái Nguyên) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	14/04	18.00	15/04	22.00
111	Tách ĐD173 T500 Hiệp Hòa - 171 E27.27 (Yên Phong 4); MC 173 T500HH	15/04	6.00	15/04	16.00
112	Tách ĐD 275 E12.3 (220kV Yên Bái) - 271 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 271 E14.6; MC 275 E12.3 (220kV Yên Bái)	19/04	5.00	23/04	20.00
113	Tách ĐD 276 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E14.6 (220kV Tuyên Quang); MC 272 E14.6; MC 276 E12.3	19/04	5.00	23/04	20.00
114	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 932 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	19/04	7.00	19/04	17.00
115	Tái lập trực ca tại E28.15 (220kV Yên Mỹ) (hàng ngày)	10/04	7.00	15/04	22.00
116	Tách TC C11 T500 Phố Nối	11/04	22.00	12/04	7.00

117	Tách TC C12; MC 171 (Dùng MC 100 thay) T500 Tây Hà Nội (còn BV F87L, F21, F67)	12/04	22.00	13/04	7.00
118	Tách TC C12 T500 Phố Nối	12/04	22.00	13/04	7.00
119	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV T500 Tây Hà Nội (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	13/04	22.00	14/04	7.00
120	Tách bảo vệ SLTC F87B; F50BF phía 110kV T500 Phố Nối (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian; biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan; không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ; điều khiển; đo lường)	13/04	22.00	14/04	7.00
121	Tách rơ le bảo vệ SLTC 110kV E2.9 (T220 Vật Cách).	14/04	6.00	14/04	12.00
122	Dùng MC 100 thay MC 171 E2.9 (220kV Vật Cách). (Còn bảo vệ F21, F67) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	14/04	6.00	17/04	6.00
123	Tách TC C11; MC 131 (Dùng MC 100 thay) E5.8 (220kV Hoàn Bồ) (còn BV F87T1; F87T2; F67)	14/04	7.00	14/04	13.00
124	Tách TC C21 E17.6 (220kV Sơn La)	14/04	7.00	14/04	16.00
125	Tái lập trực ca tại E8.20 (220kV Hải Dương 2) (hàng ngày)	14/04	7.00	17/04	22.00
126	Tách TC C11 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	14/04	8.00	14/04	15.00
127	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 932 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	14/04	8.00	14/04	17.00
128	Tái lập ca trực E28.20 (220kV Phô Cao) (hàng ngày)	14/04	8.00	21/04	22.00
129	Tách TC C11 E28.15 (220kV Yên Mỹ)	14/04	13.00	14/04	20.00
130	Tách MC T103 E14.6 (220kV Tuyên Quang) Thao tác Đóng/cắt MC T103 có tải 05 lần, mỗi lần cách nhau 15 phút.	14/04	15.00	14/04	22.00
131	Tách ĐD 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 272 E2.35; MC 276 E2.9 và TC C22 E2.9	14/04	22.00	15/04	6.00
132	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E28.15 (220kV Yên Mỹ) (PTC1 đảm	14/04	22.00	15/04	16.00

	bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)				
133	Tách ĐD 278 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 277 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 278 E2.1; 277 E11.1	15/04	5.00	20/04	22.00
134	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dừng MC thay lần lượt các MC 131, 132 E4.4 (220kV Việt Trì). (Còn bảo vệ F87T1; F87T2 và F67).	15/04	9.00	15/04	11.00
135	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dừng MC thay lần lượt các MC 171, 172, 173, 174, 176, 177, 178, 180 E4.4 (220kV Việt Trì). Còn bảo vệ F21, F67.	15/04	13.00	15/04	18.00
136	Tách TC C12 E5.30 (220kV KCN Hải Hà)	15/04	13.00	15/04	17.00
137	Tách TC C11 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	16/04	7.00	16/04	14.00
138	Tách TC C19, MC 100 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	16/04	7.00	16/04	17.00
139	Tách TC C21, MC 271 (dùng MC 200 thay) E6.20 (220kV Lưu Xá)	16/04	8.00	16/04	16.00
140	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dừng MC thay lần lượt các MC 231, 232 E4.4 (220kV Việt Trì). (Còn bảo vệ F87T1; F87T2 và F67)	16/04	9.00	16/04	11.00
141	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dừng MC thay lần lượt các MC 271, 272, 273, 274, 275 E4.4 (220kV Việt Trì). Còn bảo vệ F87L, F21, F67.	16/04	13.00	16/04	18.00
142	Tách TC C12 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	16/04	14.00	16/04	18.00
143	Tách ĐD 275 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 271 E2.35; MC 275, TC C21 E2.9	16/04	22.00	17/04	6.00
144	Tách TC C22 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	16/04	22.00	17/04	6.00
145	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E8.20 (220kV Hải Dương 2) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	16/04	22.00	17/04	16.00
146	Tách ĐD 175 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 171-7 E2.6 (Hạ Lý) - 173 E2.2 (An Lạc) MC 175 E2.1.(Phối hợp lịch cắt điện của B2)	17/04	0.00	17/04	6.00

147	Tách ĐD 271 A80 (NĐ Phả Lại) - 273 T500 Phở Nôi; MC 273 T500 Phở Nôi	17/04	4.00	17/04	17.00
148	Tách TC C11; dùng 100 thay lần lượt 131, 132 E17.6 (220kV Sơn La)	17/04	5.00	17/04	16.00
149	Tách ĐD171 E2.9 (Vật Cách 220kV) - Pooclich E2.19 (Thép Vạn Lợi); MC 171 E2.9 (T220 Vật Cách)	17/04	6.00	19/04	6.00
150	Tách MBA T3, MC 133, 333, 433 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	17/04	6.00	29/04	19.00
151	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E2.9 (220kV Vật Cách) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	17/04	6.00	19/04	6.00
152	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 3: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt TC C21, C22 E4.4 (220kV Việt Trì).	17/04	8.00	17/04	11.00
153	Đóng điện TBPĐ MC 100B, TC C19B E2.35 (220kV Thủy Nguyên)	17/04	8.00	17/04	9.00
154	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 3: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt TC C11, C12 E4.4 (220kV Việt Trì).	17/04	13.00	17/04	16.00
155	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 931; TC C22 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	17/04	22.00	18/04	16.00
156	Tách ĐD 272 A80 (NĐ Phả Lại) - 271, 272 E8.9 (220kV Hải Dương); MC 271, 272 E8.9	18/04	4.00	18/04	17.00
157	Tách TC C12; dùng 100 thay lần lượt 131, 132, 178, 179 E17.6 (220kV Sơn La)	18/04	5.00	18/04	22.00
158	Tách MC 177 E25.2 (220kV Vĩnh Yên).	18/04	7.00	18/04	10.00
159	Tách MC 173 E25.10 (220kV Vĩnh Tường).	18/04	7.00	18/04	10.00
160	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 2: TT tách và đưa vào vận hành MBA MBA AT1, 431 E4.4 (220kV Việt Trì).	18/04	8.00	18/04	11.00
161	Tách 176 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 173 A20.74 (Bảo Nhai 2), MC 176 E20.23	18/04	8.00	18/04	16.00
162	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 2: TT tách và đưa vào vận hành MBA AT2, 432 E4.4 (220kV Việt Trì).	18/04	13.00	18/04	16.00
163	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E4.15 (220kV Phú Thọ) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi	18/04	20.00	19/04	9.00

	công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)				
164	Tách ĐD 274 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 (274) A22.33 (TĐ Bắc Mê); MC 274 E22.4 (220kV Hà Giang) (Sáng tách chiều trả)	19/04	5.00	20/04	16.00
165	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	19/04	5.00	21/04	6.00
166	Tách TC C22 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	19/04	5.00	20/04	23.00
167	Tách TC C11 E28.20 (220kV Phố Cao)	19/04	7.00	19/04	18.00
168	Tách 175 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 171, 172 E20.25 GT Lào Cai - 172 E20.3 (220kV Lào Cai), MC 175 E20.23	19/04	8.00	19/04	16.00
169	Thử TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 2: TT tách và đưa vào vận hành MBA T4, SVC E4.4 (220kV Việt Trì).	19/04	8.00	19/04	11.00
170	Thử TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 1: TT Tách và đưa vào VH lần lượt các ngăn lộ TBN 101; MC T101 E4.4 (220kV Việt Trì).	19/04	13.00	19/04	16.00
171	Tách MC 272 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	19/04	22.00	20/04	4.00
172	Tách MBA T4; MC 134, 434 E2.20 (220kV Đình Vũ)	20/04	0.00	20/04	6.00
173	Tách MC 174, 175, 176 E29.5 (220kV Than Uyên). Tách lần lượt TC C11, C12 E29.5 (220kV Than Uyên)	20/04	6.00	20/04	15.00
174	Tách TC C12 E28.20 (220kV Phố Cao)	20/04	8.00	20/04	19.00
175	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ TC C19 E4.4 (220kV Việt Trì);	20/04	9.00	20/04	10.00
176	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ 200; C29 E20.3 (Lào Cai 220kV)	20/04	9.00	20/04	10.00
177	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ 200; TC C29 T500 Việt Trì (500kV Việt Trì);	20/04	9.00	20/04	10.00
178	Đóng điện DCL 212-2 + MC 212 (không đóng DCL 212-1) E12.3 (220kV Yên Bái) - tra lại xem dao nào vào điện VN	20/04	9.00	20/04	10.00
179	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ 173; 100; C19; 200; C29 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	20/04	9.00	20/04	10.00
180	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ TC C19 E12.3 (220kV Yên Bái)	20/04	9.00	20/04	10.00
181	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ	20/04	9.00	20/04	10.00

	200; C29; 100; C19; 172; 177; 178; 182 E4.15 (Phú Thọ 220kV)				
182	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E28.20 (220kV Phố Cao) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	20/04	22.00	21/04	16.00
183	Tách TC C21 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	21/04	0.00	21/04	6.00
184	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 274 E14.6; MC 274 E6.16	30/04	5.00	30/04	17.00
185	Tái lập ca trực tại E2.1 (220kV Đồng Hòa)	18/04	22.00	21/04	22.00
186	Tách thanh cái C12, ngăn lộ 178 (Dùng MC 100 thay thế MC 178- Còn bảo vệ 01 bộ F87L, 01 bộ F67/67N) E6.16 (220kV Phú Bình)	21/04	0.00	21/04	7.00
187	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E4.4 (220kV Việt Trì) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	0.00	01/05	22.00
188	Tách ngăn lộ 100 E4.4 (220kV Việt Trì) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	0.00	21/04	11.00
189	Dùng MC 100 thay lần lượt MC 172; 176 (Còn BV F21, F67 và F87L); 174 (Còn BV F21, F67 của ngăn 100); 132 (còn BV F67; F87T1; F87T2 và các BV công nghệ MBA) E28.1 (220kV Phố Nối)	21/04	6.00	21/04	21.00
190	Tách MC 172 (Dùng MC 100 thay) E2.9 (220kV Vật Cách) (Còn bảo vệ F21, F67; F87L). (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	6.00	24/04	6.00
191	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E2.9 (220kV Vật Cách) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	6.00	21/04	12.00
192	Tách ĐD 285 A2.25 (NĐ Hải Phòng) – 272 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 272 E2.20 (Sáng tách chiều trả)	21/04	6.00	22/04	16.00

193	Tách MBA AT1; MC 231, 131 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); Tách lần lượt TC C21, C22, C11A E2.35 (220kV Thủy Nguyên)	21/04	7.00	21/04	16.00
194	Tách TC C11 E2.1 (220kV Đồng Hoà)	21/04	7.00	21/04	14.00
195	Dùng MC 100 thay MC 180 E4.4 (220kV Việt Trì); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	12.00	21/04	22.00
196	Tách TC C12 E2.1 (220kV Đồng Hoà)	21/04	14.00	21/04	21.00
197	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E2.1 (220kV Đồng Hoà) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	21/04	22.00	22/04	16.00
198	Tách ngăn lộ TBN 101; MC T101 E4.4 (220kV Việt Trì)	22/04	0.00	22/04	11.00
199	Thử TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dùng MC thay lần lượt các MC 171; 175; (Còn BV F21, F67 và F87L); 173; (Còn BV F21, F67 của ngăn 100); 131; (còn BV F67; F87T1; F87T2 và các BV công nghệ MBA) E28.1 (220kV Phố Nối)	22/04	6.00	22/04	16.00
200	Dùng MC 200 thay MC 272 T500 Phố Nối (Còn BV F21, F87 và F67); Tách BV SLD (F87L) ĐD 273 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2) – 272 T500 Phố Nối (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	22/04	8.00	22/04	12.00
201	Dùng MC 100 thay MC 173 E4.4 (220kV Việt Trì); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	22/04	12.00	22/04	22.00
202	Tách thanh cái C12, dùng MC 100 thay lần lượt MC 171 (Còn BV 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N) E6.2 (220kV Thái Nguyên)	22/04	22.00	23/04	6.00

203	Tách thanh cái C12, ngăn lộ 176 (Dùng MC 100 thay thế MC 176- Còn bảo vệ 01 bộ F87L, 01 bộ F67/67N) E6.16 (220kV Phú Bình)	23/04	0.00	23/04	7.00
204	Dùng MC 100 thay MC 171 E4.4 (220kV Việt Trì); Tách bảo vệ F87L ĐD171 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.18 (Việt Trì 2); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	23/04	0.00	23/04	11.00
205	Tách ĐD 286 A2.25 (NĐ Hải Phòng) - 271 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 271 E2.20 (Sáng tách chiều trả)	23/04	6.00	24/04	16.00
206	Thư TTX theo CV 1072/ĐĐQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 4: Dùng MC thay lần lượt các MC 172; 176 (Còn BV F21, F67 và F87L); 174 (Còn BV F21, F67 của ngăn 100); 132 (còn BV F67; F87T1; F87T2 và các BV công nghệ MBA) E28.1 (220kV Phố Nối)	23/04	6.00	23/04	16.00
207	Dùng MC 100 thay MC 174 E4.4 (220kV Việt Trì); Tách bảo vệ F87L ĐD174 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.17 (Thủy Vân); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	23/04	12.00	23/04	23.00
208	Tách ĐD 171 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 172 E1.78 (110kV Sóc Sơn 2), MC 171 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	23/04	22.00	24/04	7.00
209	Tách thanh cái C12, dùng MC 100 thay lần lượt MC 177 (Còn BV F21, F67/67N), 134 (Còn BV F87T và F67) E6.2 (220kV Thái Nguyên)	23/04	22.00	24/04	6.00
210	Tách MBA T4, MC 134 E4.4 (220kV Việt Trì) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	24/04	0.00	24/04	11.00
211	Tách ĐD 272 E22.4 (220kV Hà Giang) - 293 Malutang; MC 272 E22.4	24/04	5.00	25/04	17.00
212	Chuyển kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	24/04	6.00	24/04	11.00

213	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E2.9 (220kV Vật Cách) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	24/04	6.00	26/04	6.00
214	Tách ĐD172 E2.9 (220kV Vật Cách) - 171 E2.18 (Thép Cừ Long); MC 172 E2.9	24/04	6.00	26/04	6.00
215	Chuyển kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	24/04	11.00	24/04	16.00
216	Dùng MC 100 thay MC 172 E4.4 (220kV Việt Trì); Tách bảo vệ F87L ĐD 172 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E25.17 (Sông Lô); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	24/04	12.00	24/04	22.00
217	Tách lần lượt TC C11, C12, MC 112 TBN 101, MC T101 E28.1 (220kV Phố Nối)	24/04	22.00	25/04	6.00
218	Tách thanh cái C11, dùng MC 100 thay lần lượt MC 172, 173 (Còn bảo vệ 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N) E6.2 (220kV Thái Nguyên)	24/04	22.00	25/04	6.00
219	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E5.8 (220kV Hoàn Kiếm);	24/04	22.00	25/04	2.00
220	Tách thanh cái C12, ngăn lộ 173 (Dùng MC 100 thay thế MC 173- Còn bảo vệ 01 bộ F87L, 01 bộ F67/67N) E6.16 (220kV Phú Bình)	25/04	0.00	25/04	7.00
221	Dùng MC 100 thay MC 177 E4.4 (220kV Việt Trì); Tách bảo vệ F87L ĐD177 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.6 (Bắc Việt Trì) ; Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	25/04	0.00	25/04	11.00
222	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 3: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt TC C11, C12, MC 112 E28.1 (220kV Phố Nối); Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 1: TT tách và đưa vào vận hành TBN 101, MC T101 E28.1 (220kV Phố Nối)	25/04	6.00	25/04	20.00
223	Tách MBA AT2; MC 232; 132 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); Tách lần lượt TC C21, C22 E2.35 (220kV Thủy Nguyên)	25/04	6.00	25/04	6.00
224	Tách ĐD 271 T500 Thường Tín - 273,	25/04	6.00	25/04	16.00

	274 E28.15 (220kV Yên Mỹ); 273, 274 E28.15				
225	Chuyển kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	25/04	6.00	25/04	11.00
226	Chuyển kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	25/04	11.00	25/04	16.00
227	Dùng MC 100 thay MC 178 E4.4 (220kV Việt Trì); Tách bảo vệ F87L ĐD178 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E4.11 (Trung Hà); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	25/04	12.00	25/04	22.00
228	Tách thanh cái C11, dùng MC 100 thay lần lượt MC 175, 176 (Còn bảo vệ 01 bộ F87L, 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N) E6.2 (220kV Thái Nguyên)	25/04	22.00	26/04	6.00
229	Dùng MC 100 thay MC 176 E4.4 (220kV Việt Trì); Còn bảo vệ F21, F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	26/04	0.00	26/04	11.00
230	Tách ĐD 272 E1.35 (220kV Sơn Tây)- 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường); MC272 E1.35; MC271 E25.10	26/04	5.00	27/04	17.00
231	Tách lần lượt thanh cái C31, C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	6.00	26/04	16.00
232	Chuyển kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	6.00	26/04	11.00
233	Tách ĐD 272 T500 Thường Tín - 273 E28.1 (220kV Phố Nối); MC 273 E28.1	26/04	6.00	26/04	16.00
234	Tách lần lượt MC 271, 273 E28.1 (220kV Phố Nối) (mở vòng)	26/04	6.00	26/04	11.00
235	Tách MBA AT2; MC 232, 132 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	26/04	8.00	26/04	14.00
236	Tách ĐD 281 A2.25 (NĐ Hải Phòng) - 274 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 274 E2.35	26/04	8.00	26/04	14.00
237	Chuyển kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	11.00	26/04	16.00
238	Dùng MC 100 thay MC 131 E4.4 (220kV Việt Trì); Còn bảo vệ F87T1; F87T2 và F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không	26/04	12.00	26/04	22.00

	ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)				
239	Thủ TTX theo CV 1072/ĐĐQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 1: TT Tách và đưa vào VH lần lượt các ngăn lộ 271, 272, 273, 274 E28.1 (220kV Phố Nối) (mở vòng)	26/04	14.00	26/04	18.00
240	Tách thanh cái C12, C19 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	21.00	27/04	7.00
241	Tách ĐD 172 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 A6.15 (NĐ An Khánh), ngăn lộ 172 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	22.00	27/04	9.00
242	Tách ĐD 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.11 (110kV Quán Triều), ngăn lộ 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	26/04	22.00	27/04	7.00
243	Dùng MC 200 thay lần lượt các MC 271, 272, 274, 278 (còn bảo vệ F87L, F21, F67), MC 273, 275, 276, 277 (Còn bảo vệ F87L, F85, F21, F67), MC231, 232 (còn bảo vệ F87T1, F87T2, F67) E5.9 (220kV Trảng Bạch)	26/04	22.00	27/04	18.00
244	Dùng MC 100 thay MC 132 E4.4 (220kV Việt Trì); Còn bảo vệ F87T1; F87T2 và F67 (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	27/04	0.00	27/04	11.00
245	Tách ĐD 220kV 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) - 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên), thanh cái C21 E26.5 (220kV Bắc Kạn); thanh cái C22 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	0.00	27/04	6.00
246	Tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình), Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình), ngăn lộ 2 đầu TBA	27/04	5.00	27/04	16.00
247	Chuyển kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	6.00	27/04	11.00
248	Tách 176 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 173 A20.74 (Bảo Nhai 2), MC 176 E20.23	27/04	7.00	27/04	16.00
249	Chuyển kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	11.00	27/04	16.00
250	Tách lần lượt TC C21, C22 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	27/04	18.00	28/04	6.00
251	Tách thanh cái C12, C19 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	21.00	28/04	7.00

252	Tách ĐD 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.16 (110kV Phú Lương), ngăn lộ 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	22.00	28/04	9.00
253	Tách ĐD 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.11 (110kV Quán Triều), ngăn lộ 173 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	27/04	22.00	28/04	7.00
254	Chuyên kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	6.00	28/04	11.00
255	Dùng MC 100 thay lần lượt các MC 173 (còn bảo vệ F21, F67, xin tách F87L của ĐD 173); MC 178, 181, 183 (còn bảo vệ F21, F67); MC 174, 175, 176, 177, 178, 180, 182 (còn bảo vệ F87L, F21, F67); MC 131, 132 (còn bảo vệ F87T1, F87T2, F67) E5.9 (220kV Trảng Bạch)	28/04	7.00	28/04	20.00
256	Chuyên kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	11.00	28/04	16.00
257	Tách ngăn lộ 171, 172 E5.9 (220kV Trảng Bạch) ngăn lộ dự phòng chưa có xuất tuyến	28/04	20.00	28/04	22.00
258	Tách thanh cái C11, dùng MC 100 thay lần lượt MC 178 (Còn bảo vệ 01 bộ F87L, 01 bộ F21, 01 bộ F67/67N) E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	22.00	29/04	6.00
259	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	28/04	22.00	29/04	2.00
260	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E5.9 (220kV Trảng Bạch)	29/04	2.00	29/04	6.00
261	Chuyên kết dây MC 333 đang nhận điện TC C31 sang nhận điện TC C32 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	29/04	6.00	29/04	11.00
262	Chuyên kết dây MC 334 đang nhận điện TC C32 sang nhận điện TC C31 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	29/04	11.00	29/04	16.00
263	Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình)	30/04	5.00	30/04	17.00
264	Tách MBA T1, MC 131, MC 331, MC 431 E1.4 (220kV Hà Đông)	01/04	0.00	06/04	22.00
265	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	01/04	0.00	06/04	22.00
266	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	01/04	0.00	01/04	3.00
267	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	01/04	3.00	01/04	6.00
268	Tách TC C12 T500 Đông Anh	01/04	6.00	01/04	18.00
269	Tách Thanh cái C11 E15.1 (220kV Hưng Đông)	01/04	7.00	01/04	12.00
270	Tách TC C19 T500 Đông Anh	01/04	8.00	01/04	18.00
271	Tách C12 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	02/04	7.00	02/04	23.00

272	Tách ĐD174 T500 Thường Tín - 173 E10.4 (Tía), MC174 (T500 Thường Tín)	02/04	8.00	02/04	20h00
273	Tách ĐD 273 E15.40 (220kV Tương Dương) - 274 TĐ Nậm Mô 2 (Lào) và MC 273 E15.40 (220kV Tương Dương)	03/04	5.00	05/04	18.00
274	Tách TC C11, MC 174. Dùng MC 100 thay thế MC 174 E1.4 (220kV Hà Đông)	03/04	8.00	03/04	16.00
275	Dùng MC 200 thay MC 271, cắt MC 271 E9.50 (220kV Nông Cống) khi đó ĐD được bảo vệ bởi F87L và F21, F85 ngăn lộ 200	03/04	8.00	03/04	15.00
276	Tách MC 175 E24.4 (220kV Phủ Lý), Tách ĐD175 E24.4 (220kV Phủ Lý) - 171 -7 E24.1 (XM Bút Sơn) - 171-7 E24.10 (XM Vissai Hà Nam) - 174 E24.15 (220kV Thanh Nghi)	03/04	21.00	04/04	5.00
277	Tách: ĐD 277 T500 Thường Tín - 273 E28.10 (220kV Kim Động), MC277 (T500 Thường Tín). Giảm đoạn Scada 2 giờ trong thời gian cấu hình role mới lên hệ thống MTĐK.	03/04	08h00	04/04	12h00
278	Tách ĐD 276 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271 E24.4 (220kV Phủ Lý) (Sáng cắt chiều trả)	04/04	5.00	09/04	17.00
279	Tách MC179 E23.1 (220kV Ninh Bình) (Dùng MC100 thay MC179, ĐD179 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngăn lộ 100)	04/04	8.00	04/04	21.00
280	Tách MBA AT1, C22, C12, C19, MC 200 E23.1 (220kV Ninh Bình)	04/04	8.00	04/04	21.00
281	Tách MC 200 E1.4 (220kV Hà Đông)	05/04	6.00	06/04	22.00
282	Tách MC 100 Trạm 220kV Hà Đông E1.4	05/04	6.00	06/04	22.00
283	Tách bảo vệ F81 của thanh cái C31, F81 thanh cái C32 E1.4 (220kV Hà Đông)	05/04	18.00	05/04	22.00
284	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	05/04	22.00	06/04	6.00
285	Tách ĐD176 T500 Hà Tĩnh - 172 E18.9 (Cắm Xuyên) (kết hợp với lịch cắt điện của PC Hà Tĩnh)	06/04	3.00	06/04	12.00
286	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	06/04	14.00	06/04	23.00
287	Tách thanh cái C29 E1.4 (220kV Hà Đông)	06/04	18.00	06/04	22.00
288	Tách thanh cái C19 E1.4 (220kV Hà Đông)	06/04	18.00	06/04	22.00

289	Dùng MC 200 thay thế MC 233 E1.4 (220kV Hà Đông) (Tách chức ngăn F87T2, Còn F87T1, F67)	06/04	23.00	07/04	0.00
290	Dùng MC 100 thay thế MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông) (Tách chức ngăn F87T2, Còn F87T1, F67)	07/04	0.00	07/04	1.00
291	Dùng MC 100 thay thế MC 131 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F67 ngăn 331, F50 ngăn 431, F67 ngăn 100)	07/04	1.00	07/04	2.00
292	Tách đường dây 176 E9.2 (220kV Ba Chè) - 171E9.27 (Tây Thành phố)	01/04	22.00	02/04	6.00
293	Tách ĐD 274 T500 Hà Tĩnh- 273 A18.15 (FormosaHT), ĐD 273 A18.10 (NĐ Vũng Áng) – 271,272 Đồng Hới (T220 ĐH), 274 A18.10 (NĐ Vũng Áng) – 272 A18.15 (FormosaHT) (Sáng cắt, chiều trả)	05/04	5.00	07/04	18.00
294	Tách ĐD 273, 274 E3.7 (220kV Nam Định) - 276 E11.1 (220kV Thái Bình)	07/04	5.00	07/04	18.00
295	Tách ĐD 276 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E11.1 (220kV Thái Bình)	07/04	5.00	07/04	18.00
296	Tách Thanh Cái C11 E9.2 (220kV Ba Chè)	07/04	7.00	07/04	17.00
297	Tách TBN 102 E9.2 (220kV Ba Chè)	07/04	22.00	08/04	7.00
298	Tách MBA T6, MC 136, MC 436 E1.4 (220kV Hà Đông)	08/04	0.00	13/04	0.00
299	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	08/04	0.00	13/04	0.00
300	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	08/04	0.00	08/04	3.00
301	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	08/04	3.00	08/04	6.00
302	Tách MC174; ĐD 174 Nam Định (E3.7) - 172 Phi Trường (E3.4)	08/04	7.00	08/04	16.00
303	Tách MBA AT1 E9.50 (220kV Nông Cống)	08/04	8.00	08/04	15.00
304	- Dùng MC 200 thay lần lượt MC 271, 272, 273, 276, 231, 232 E11.1 (220kV Thái Bình). - ĐD271, ĐD272, ĐD273, ĐD276 có bảo vệ F87L và bảo vệ F21, F67 ngăn lộ 200 - ngăn lộ 231, 232 (còn BV 87T1, T2, F67)	08/04	8.0	08/04	15.0
305	Tái lập ca trực E1.45 (220kV Long Biên)	08/04	8.00	14/04	23.00
306	- Dùng MC 200 thay lần lượt MC 277, 278 E11.1 (220kV Thái Bình); ĐD277, ĐD278 bảo vệ khoảng cách, quá dòng ngăn lộ 200	08/04	15.0	08/04	17.0
307	Tách TBN 102 E9.2 (220kV Ba Chè)	08/04	22.00	09/04	7.00

308	Tách MBA AT2 E9.50 (220kV Nông Cống)	09/04	8.00	09/04	15.00
309	Tách ĐD172 T500 Đông Anh - 176 E1.1 (Đông Anh); MC 172 T500 Đông Anh.	09/04	8.00	09/04	17.00
310	- Dừng MC 100 thay lần lượt MC171, 172, 173, 174, 175, 176, 178, 181, 131, 132E11.1 (220kV Thái Bình) - ĐD175, ĐD176, ĐD181 có F87L và bảo vệ F21 và F67 ngăn lộ 100 - ĐD171, ĐD172, ĐD173, ĐD174, ĐD178 có bảo vệ F21, F67 ngăn lộ 100 - ngăn lộ 131, 132 (còn BV 87T1, T2, F67)	09/04	8.0	09/04	22.0
311	Tách TC C11, MC T101, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	09/04	22.00	10/04	3.00
312	Tách thanh cái C11- Dừng MC100 thay MC 173, tách MC 173 E1.6 (220kV Chèm) (Bảo vệ ngăn đường dây 173 đầy đủ: Gồm F87L ngăn 173 và bảo vệ F21, F79 ngăn 100)	10/04	6.00	10/04	17.00
313	Tách ĐD 271 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 274 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), Tách MC 271 E11.15 (220kV Thái Thụy)	10/04	7.00	10/04	22.00
314	Tách lần lượt TC C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	10/04	7.00	10/04	22.00
315	Tách đường dây 271 T500 Tây Hà Nội – 272 E1.11 (220kV Thành Công)	10/04	8.00	19/04	8.00
316	Cắt điện đường dây 271 E1.6 (220kV Chèm) - 272 T500 Tây Hà Nội	10/04	8.00	11/04	8.00
317	Tách ngăn lộ 100 E9.50 (220kV Nông Cống)	10/04	8.00	10/04	15.00
318	Tách lần lượt C21, C22 E11.1 (220kV Thái Bình)	10/04	8.0	10/04	17.0
319	Tách thanh cái C11, MBA AT3, MC 233, 133, 433 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	10/04	22.00	11/04	7.00
320	Tách TC C22 E1.4 (220kV Hà Đông)	10/04	22.00	11/04	3.00
321	Tách TC C12, C19, MC T101, MC 100, MC 178 E24.15 (220kV Thanh Nghị), Tách ĐD 177 Thanh Nghị (E24.15)-171 XM Thành Thắng 2 (E24.12)	10/04	22.00	11/04	7.00
322	Tách MC 100 E1.4 (220kV Hà Đông)	11/04	0.00	13/04	0.00
323	Tách TC C21 E1.4 (220kV Hà Đông)	11/04	3.00	11/04	8.00
324	Tách ĐD 272 E11.15 (220kV Thái Thụy) - 284 A11.10 (NĐ Thái Bình 2), Tách MC 272 E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/04	7.00	11/04	22.00
325	Tách ĐD 177 E9.50 (220kV Nông Cống) - 171E9.29 (110kV Quảng Xương)	11/04	8.00	11/04	15.00
326	Tách lần lượt C11, C12 E11.1 (220kV Thái Bình)	11/04	8.0	11/04	17.0

327	Tách 2 đường dây 275 T500 Tây Hà Nội - 272 E1.6 (220kV Chèm), 273 (233, 253) A100 (TĐ Hoà Bình) - 273 T500 Tây Hà Nội	11/04	10.00	17/04	22.00
328	Tách lần lượt TC C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	11/04	16.00	11/04	22.00
329	Tách bảo vệ SLTC 220kV - T500 Đông Anh.	11/04	22.00	12/04	7.00
330	Tách thanh cái C12 E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	11/04	22.00	12/04	7.00
331	Tách TC C11, MC T101, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	11/04	22.00	12/04	3.00
332	Cắt điện TC C11 E1.45 (220kV Long Biên)	11/04	22.00	12/04	7.00
333	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 100, C19 E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/04	22.00	12/04	6.00
334	Tách C12 E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/04	22.00	12/04	11.00
335	Tách MC 179 E23.1 (220kV Ninh Bình), (Dùng MC100 thay MC179), ĐD179 có bảo vệ F21 và F67 ngăn lộ 100)	12/04	6.00	12/04	11.00
336	Tách Thanh Cái C22 T500THO (500kV Thanh Hóa)	12/04	8.00	12/04	17.00
337	Tách MBA AT1 E11.1 (220kV Thái Bình)	12/04	8.0	12/04	12.0
338	Tách MBA AT2 E11.1 (220kV Thái Bình)	12/04	13.0	12/04	17.0
339	Tách thanh cái C19 E1.4 (220kV Hà Đông)	12/04	20.00	13/04	0.00
340	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	12/04	22.00	13/04	7.00
341	Cắt điện TC C12 E1.45 (220kV Long Biên)	12/04	22.00	13/04	7.00
342	Tách thanh cái C11 - E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	12/04	22.00	13/04	7.00
343	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	12/04	22.00	13/04	0.00
344	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	13/04	1.00	13/04	4.00
345	Dùng MC 100 thay thế MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F87T2, F67 ngăn 135, F67 ngăn 100)	13/04	1.00	13/04	2.00
346	Dùng MC 100 thay thế MC 136 E1.4 (220kV Hà Đông) (Còn F87T1, F67 ngăn 100)	13/04	3.00	13/04	4.00
347	Cắt điện MBA AT1, MC231, MC131, MC431, TC C21 E15.40 (220kV Tương Dương)	13/04	7.00	13/04	17.00
348	Tách Thanh Cái C21 T500THO (500kV Thanh Hóa)	13/04	8.00	13/04	17.00
349	Tách bảo vệ so lệch thanh cái phía 110kV (F87B 110kV) E1.45 (220kV	13/04	22.00	14/04	7.00

	Long Biên)				
350	Tách thanh cái C12 - E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	13/04	22.00	14/04	7.00
351	Tách BVSL thanh cái F87B 110kV, tách bảo vệ 50BF phía 110kV E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	14/04	22.00	15/04	7.00
352	Đóng điện ngăn lộ tụ bù T102 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	15/04	7.00	15/04	9.00
353	Tách đường dây 273 Hà Đông (E1.4) - 271 Chèm (E1.6) và đóng điện trở lại đường dây 272 Tây Hà Nội - 271 Chèm (E1.6)	18/04	9.00	19/04	9.00
354	Tách MC 100 E9.2 (220kV Ba Chè)	09/04	22.00	10/04	10.00
355	Tách ĐD 110kV 176E9.2 (220kV Nghi Sơn) - 171E9.27 (110kV Tây Thành Phố)	09/04	22.00	10/04	10.00
356	Tái lập ca trực E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	10/04	22.00	17/04	23.59
357	Tái lập ca trực - E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	10/04	22.00	15/04	23.59
358	Tái lập ca trực tại E24.15 (220kV Thanh Nghị)	10/04	22.00	20/04	10.00
359	Dùng MC 100 thay MC 176, cắt MC, OFF bảo vệ F87L 176E9.2 (220kV Ba Chè) khi đó đường dây được bảo vệ bởi F21, F67 ngăn lộ 100	10/04	10.00	10/04	10.30
360	Tái lập ca trực E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/04	7.00	16/04	10.00
361	Tách SCADA E23.1 (220kV Ninh Bình)	13/04	0.00	13/04	24.00
362	Tái lập ca trực E9.2 (220kV Ba Chè) (gia hạn thêm thời gian)	13/04	6.00	16/04	22.00
363	Tách MC 434 T500 Hà Tĩnh	14/04	7.00	14/04	17.00
364	Đóng điện dự phòng thanh cái C29, TUC29 E1.3 (220kV Mai Động)	14/04	8.30	14/04	12.00
365	Giãn đoạn SCADA đèn AI T500 Đông Anh (Trạm biến áp 500kV Đông Anh)	14/04	9.00	14/04	11.00
366	Tách tụ T101 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	14/04	22.00	17/04	3.00
367	Tách TC C11, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	14/04	22.00	15/04	3.00
368	Tách thanh cái C11, MBA AT3, MC 233, 133, 433 - E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	14/04	22.00	15/04	7.00
369	Dùng MC 100 thay MC176, Tách MC176 E1.23 (220kV Vân Trì) (BV còn F87L, F21, F67)	14/04	8.00	14/04	16.00
370	Tách MBA T2, MC132, 332, 432 E15.1 (220kV Hưng Đông)	15/04	0.00	22/04	22.00
371	Tách C21 T500 Hà Tĩnh	15/04	1.00	15/04	6.00
372	Tách Đường dây 274 E15.10 (220kV Đồ Lương) - 275 E15.40 (220kV Tương Dương) và MC 274 E15.10 (220kV Đồ Lương); MC 275 E15.40 (220kV Tương Dương)	15/04	5.00	16/04	18.00

373	Tách MC 100 E1.3 (220kV Mai Động)	15/04	8.30	15/04	12.00
374	Tách Thanh Cái C11 E9.2 (220kV Ba Chè)	15/04	13.00	15/04	18.00
375	Tách bảo vệ F87B phía 110kV E9.2 (220kV Ba Chè)	15/04	22.00	16/04	16.00
376	Tách TC C11 T500 Đông Anh	15/04	22.00	16/04	7.00
377	Tách thanh cái C12 - E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	15/04	22.00	16/04	7.00
378	Tách BVSL thanh cái phía 110kV E23.1 (220kV Ninh Bình)	15/04	22.00	16/04	9.00
379	Tách TC C11, MC 100, Tách MBA AT2, 232, 132 E23.1 (220kV Ninh Bình)	15/04	22.00	16/04	7.00
380	Tách TC C12, C19, MC 100, MC 178 E24.15 (220kV Thanh Nghị), (ĐD 177 Thanh Nghị (E24.15) -171XM Thành Thắng 2(E24.12) kết hợp B24 (HÀ NAM) đăng ký)	15/04	22.00	16/04	7.00
381	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	16/04	0.00	16/04	3.00
382	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	16/04	0.00	22/04	0.00
383	Tách C22 T500 Hà Tĩnh	16/04	1.00	16/04	6.00
384	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	16/04	3.00	16/04	6.00
385	Dùng MC 100 thay MC 173, tách MC 173 E9.10 (220kV Nghi Sơn) khi đó ĐD được bảo vệ bởi F21, F67 ngăn lộ 100	16/04	7.00	16/04	18.00
386	Tách: MBA AT3, 233, 133- T500 Thường Tín	16/04	7.00	17/04	7.00
387	Tách lần lượt TC C11, C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	16/04	8.00	16/04	12.00
388	Tách lần lượt TC C21, C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	16/04	12.00	16/04	17.00
389	Tách TC C12 T500 Đông Anh	16/04	22.00	17/04	7.00
390	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E27.10 (220kV Bắc Ninh 2)	16/04	22.00	17/04	7.00
391	Tách TC C11, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	16/04	22.00	17/04	3.00
392	Tách C12 T500 Hà Tĩnh	17/04	1.00	17/04	6.00
393	Tách Đường dây 272 A15.20 (TĐ Khe Bó) - 273 E15.10 (220kV Đô Lương) và MC 273 E15.10 (220kV Đô Lương)	17/04	5.00	18/04	18.00
394	Tách Đường dây 276 E9.50 (220kV Nông Cống) – 271 Nậm Sum (Lào)	17/04	5.00	17/04	18.00
395	Tách TC C12, Tách MC 180 E23.1 (220kV Ninh Bình) (Dùng MC100 thay MC180), ĐD180 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngăn lộ 100)	17/04	8.00	17/04	13.30
396	Tách TC C12 E23.1, Tách MC181 E23.1 (220kV Ninh Bình) (Dùng MC100 thay MC181, ĐD181 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngăn lộ 100)	17/04	13.30	17/04	18.00
397	Tách bảo vệ so lệch thanh cái phía 110kV (F87B 110kV), tách bảo vệ 50BF	17/04	22.00	18/04	9.00

	phía 110kV - T500ĐA - Giám đoạn SCADA A1 (02 lần, mỗi lần 30 phút trong thời gian cập nhật hệ thống bổ sung tín hiệu lên HTMT)				
398	Tách TC C22 E1.4 (220kV Hà Đông)	17/04	22.00	18/04	3.00
399	Tách bảo vệ SLTC 110kVE9.20 (220kV Bim Sơn)	17/04	22.00	18/04	6.00
400	Tách TC C12, MC 100, MC 177 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	17/04	22.00	18/04	7.00
401	Tách TC C21 E1.4 (220kV Hà Đông)	18/04	3.00	18/04	8.00
402	Tách MC 274, MC 200, TC C29 E11.1 (220kV Thái Bình), ĐD 274 E11.1 (220kV Thái Bình) - 271 A11.0 (NĐ Thái Bình)	18/04	6.0	18/04	12.0
403	Cô lập lần lượt MBA AT1, AT2 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	18/04	8.00	18/04	11.00
404	Tách TC C11 E23.1, Tách MC 131 E23.1 (220kV Ninh Bình) (Dùng MC100 thay MC131, BV còn F87T1, F87T2, F67)	18/04	8.00	18/04	15.30
405	Tách MC275, MC 200, TC C29, ĐD 275 E11.1 (220kV Thái Bình) - 272 A11.0 (NĐ Thái Bình)	18/04	12.0	18/04	18.0
406	Cô lập lần lượt Thanh Cái C11, C12 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	18/04	13.00	18/04	15.00
407	Cô lập lần lượt Thanh Cái C21, C22 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	18/04	15.00	18/04	17.00
408	Tách BVSLTC 110kV, 50BF phía 110kV E24.15 (220kV Thanh Nghị)	18/04	22.00	19/04	7.00
409	Tách ĐD 271 E1.6 (220kV Chèm) - 272 T500 Tây Hà Nội	19/04	10.00	25/04	5.00
410	Dùng MC 100 thay lần lượt các MC 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178 E9.10 (220kV Nghi Sơn) (173, 174, 176, 177, 178 BV còn F21, F67, ngăn 177, 178 off 87L) (171, 172, 175 có F87L, F21, F67)	19/04	7.00	19/04	11.00
411	Dùng MC 200 thay lần lượt các MC 271,272,273,274,275,276,231,232 E9.10 (220kV Nghi Sơn) (BV ĐD còn F87L, F85, F21, F67, ngăn 231, 232 còn 87T1, T2, F67)	19/04	13.00	19/04	17.00
412	Tách TC C11 E1.4 (220kV Hà Đông)	19/04	22.00	20/04	8.00
413	Tách MC 100 E1.4 (220kV Hà Đông)	19/04	22.00	22/04	0.00
414	Tách ĐD 275 T500 Tây Hà Nội - 272 E1.6 (220kV Chèm)	21/04	7.00	25/04	7.00
415	Tách thanh cái C19 E1.4 (220kV Hà Đông)	21/04	20.00	22/04	0.00
416	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	21/04	22.00	22/4	2.00

417	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	22/04	0.00	22/04	2.00
418	Dùng MC 100 thay thế MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông). Tách chức ngăn F87T2 (Còn F87T1, F67 ngăn 235, F67 ngăn 100)	22/04	1.00	22/04	2.00
419	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	22/04	22.00	23/04	3.00
420	Tách MBA AT3, MC 233, MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông)	23/04	0.00	29/04	0.00
421	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	23/04	3.00	23/04	6.00
422	Tách TC C12 E1.4 (220kV Hà Đông)	25/04	22.00	26/04	7.00
423	Tách MC 200 E1.4 (220kV Hà Đông)	28/04	10.00	29/04	0.00
424	Tách MC 100 E1.4 (220kV Hà Đông)	28/04	10.00	29/04	0.00
425	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 220kV E1.4 (220kV Hà Đông)	28/04	22.00	29/04	2.00
426	Tách bảo vệ so lệch thanh cái 110kV E1.4 (220kV Hà Đông)	29/04	0.00	29/04	3.00
427	Dùng MC 200 thay thế MC 233 E1.4 (220kV Hà Đông) (Tách chức ngăn F87T2); Còn F87T1, F67 ngăn 133, F67 ngăn 200	29/04	1.00	29/04	2.00
428	Dùng MC 100 thay thế MC 133 E1.4 (220kV Hà Đông) (Tách chức ngăn F87T2) Còn F87T1, F67 ngăn 133, F67 ngăn 100	29/04	2.00	29/04	3.00
429	Tách thanh cái C19 E1.4 (220kV Hà Đông)	29/04	18.00	29/04	0.00
430	Tách thanh cái C29 E1.4 (220kV Hà Đông)	29/04	18.00	29/04	0.00
431	Tách thanh cái C22 E1.6 (220kV Chèm)	21/04	22.00	22/04	6.00
432	Tách MC 178, Dùng MC 100 thay thế MC 178 E15.1 (220kV Hưng Đông) (Còn bảo vệ F67, F87L, F21)	21/04	7.00	21/04	14.00
433	Tách ĐD 273 E23.1 (220kV Ninh Bình) - 271 E3.20 (220kV Trục Ninh); MC 271, TC C21 E3.20 (220kV Trục Ninh)	21/04	8.00	21/04	16.00
434	Tách lần lượt MC T101, T102 E11.1 (220kV Thái Bình)	21/04	20.00	21/04	22.00
435	Tách lần lượt MBA AT1, AT2 E11.1 (220kV Thái Bình)	21/04	22.00	22/04	6.00
436	Tách ĐD175 E1.3 (220kV Mai Động) - 172 E1.64 (Hồ Yên Sở), MC 175 E1.3 (220kV Mai Động)	21/04	22.00	22/04	06/01
437	Tách TC C11, Tách MBA AT3, MC 233, 133, 433 T500 Đông Anh	21/04	22.00	22/04	6.00
438	Tái lập ca trực E9.2 (220kV Ba Chè)	22/04	6.00	23/04	22.00
439	Tách ngăn lộ 100 E9.50 (220kV Nông Cống)	22/04	8.00	22/04	15.00

440	Tách MC175 E24.4, Tách ĐD175 E24.4 (220kV Phù Lý) - 171 -7 E24.1 (XM Bút Sơn) - 171-7 E24.10 (XM Vissai Hà Nam) - 174 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	22/04	8.00	22/04	16.00
441	Tách TC C29 T500NQ	22/04	8.00	22/04	18.00
442	Tách Thanh Cái C11 E9.2 (220kV Ba Chè)	22/04	13.00	22/04	18.00
443	Tách bảo vệ F87B phía 110kV E9.2 (220kV Ba Chè)	22/04	22.00	23/04	16.00
444	Tách TC C11 E23.1 (220kV Ninh Bình), Tách MC180 (Dùng MC100 thay MC180, ĐD180 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngắn lộ 100)	23/04	7.00	23/04	13.00
445	Tách TC C11 E23.1 (220kV Ninh Bình), Tách MC181 (Dùng MC100 thay MC181, ĐD181 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngắn lộ 100)	23/04	14.00	23/04	18.00
446	Dùng MC 200 thay MC 272, Tách C22, MC 272 E9.10 (220kV Nghi Sơn) khi đó ĐD được bảo vệ bởi F87L và F21, F67 ngắn lộ 200	24/04	6.00	25/04	6.00
447	Tách MC 273 E11.1 (220kV Thái Bình) (dùng MC200 thay thế MC273); Ngắn lộ vẫn còn chức năng bảo vệ khoảng cách F21 ngắn lộ 200, bảo vệ so lệch dọc F87L ngắn lộ 273.	24/04	20.00	24/04	22.00
448	Tách lần lượt C21, C22, MC 271 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	25/04	7.00	25/04	17.00
449	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131 E1.6 (220kV Chèm)	25/04	22.00	26/04	6.00
450	Tách TC C22, Tách MC 212 E23.1 (220kV Ninh Bình), Tách lần lượt MC271, MC272, MC276 (Dùng MC200 thay lần lượt) (Các ĐD còn bv F87L, F21, F67)	26/04	7.00	26/04	17.00
451	Tách TC C12, Tách MC179 E23.1 (220kV Ninh Bình) (Dùng MC100 thay MC1179, ĐD179 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngắn lộ 100)	26/04	8.00	26/04	11.00
452	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E1.6 (220kV Chèm)	26/04	22.00	27/04	6.00
453	Tách TC C29 E23.1 (220kV Ninh Bình)	27/04	7.00	27/04	17.00
454	Cắt điện MBA AT1, MC231, MC131, MC431, TC C21 E15.40 (220kV Tương Dương)	27/04	7.00	27/04	17.00
455	Tách MC 171, 172 E22.40 (220kV Bắc Quang) (Ngắn lộ dự phòng chưa đấu nối xuất tuyến ĐD)	27/04	6.00	28/04	18.00

456	Cô lập ĐD183 E22.40 (Bắc Quang 220kV) - 171 A22.15 (TĐ Sông Chừng) - 171 A22.34 (TĐ Sông Lô 4); MC 183 E22.40 (220kV Bắc Quang)	27/04	6.00	28/04	18.00
457	Tách ĐD178 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.38 (KCN An Dương); MC 178; MC 100 E2.9 (B2 đã đồng ý cắt điện ĐD 178 E2.9)	28/04	0.00	28/04	4.00
458	Tách MBA AT2; MC 232, 132, 432 E2.9 (T220 Vật Cách) (khi trả điện KP MBA AT2, MC 232, 132 E2.9)	28/04	0.00	28/04	6.00
459	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 3: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt TC C11; C12; MC 112 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	0.00	28/04	6.00
460	Tách 02 ĐD 271 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 271 T500 Hiệp Hoà và ĐD 272 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 272 T500 Hiệp Hoà; MC 271, 272 E1.19 MC 271; 272 T500HH	28/04	5.00	28/04	17.00
461	Tách ngăn lộ T101 E7.15 (220kV Quang Châu)	28/04	5.00	28/04	17.00
462	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 3: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt TC C21; C22; MC 212 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	8.00	28/04	10.00
463	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 2: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt MBA AT1, AT2 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	13.00	28/04	15.00
464	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 2: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt MBA T3, T4 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	28/04	15.00	28/04	17.00
465	Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E22.40 (220kV Bắc Quang) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	28/04	17.00	28/04	18.30
466	Dùng MC 100 thay thế lần lượt MC 171, 172 E22.40 (220kV Bắc Quang) (còn BV F21; F67); Tách BV F87L khi dùng MC 100 thay	28/04	19.00	28/04	21.00
467	Thủ TTX theo CV 1072/ĐDQG-CN ngày 26/06/2017 tình huống 1: TT tách và đưa vào vận hành lần lượt các ngăn lộ 271, 272, 273, 274, 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên) (mở vòng)	28/04	22.00	29/04	6.00
468	Dùng MC 100 thay lần lượt các MC 171; 173; 175; 176 E2.9 (220kV Vật Cách). (còn BV F21, F67) Tách BV F87L ĐD tương ứng) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối	28/04	22.00	29/04	6.00

	đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)				
469	Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E7.15 (220kV Quang Châu)	29/04	5.00	29/04	17.00
470	Tách MC 212, kháng KI212 E5.9 (Tràng Bạch) (đóng TB 212-15, 212-25)	29/04	7.00	29/04	17.00
471	Dùng MC 100 thay lần lượt các MC 172, 174, 177; 178 E2.9 (220kV Vật Cách). (còn BV F87L; F21 và F67) (PTC1 đảm bảo đã giảm tối đa thời gian, biện pháp thi công đảm bảo tuyệt đối an toàn không gây sự cố chủ quan, không ảnh hưởng đến hệ thống bảo vệ, điều khiển, đo lường)	29/04	8.00	29/04	16.00
472	Đóng điện TBDP ngăn MC 200, TC C29 E2.35 (220kV Thủy Nguyên)	29/04	8.00	29/04	9.00
473	Tách TC C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	28/04	0.00	28/04	3.00
474	Tách TC C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	28/04	3.00	28/04	6.00
475	Đóng điện thiết bị dự phòng ngăn lộ 232, 171, 172 E9.60 (220kV KKT Nghi Sơn)	25/04	9.00	25/04	10.00
476	Tách MBA AT1, tách MC 231, 131, 431 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	28/04	0.00	28/04	6.00
477	Dùng MC 200 thay lần lượt MC 271, MC 273 E1.6 (220kV Chèm) (Bảo vệ ngăn đường dây 271, 273: Gồm F87L ngăn 271, 273 và bảo vệ F21 ngăn 200, F85 đầy đủ)	28/04	6.00	28/04	12.00
478	Tách MC 274 MC 200 TC C29 E11.1 (220kV Thái Bình) ĐD 274 E11.1 (220kV Thái Bình) - 271 A11.0 (NĐ Thái Bình)	28/04	6.0	28/04	12.0
479	Tách TC C12, TC C19, MC100 E23.1 (220kV Ninh Bình)	28/04	7.00	28/04	18.00
480	Tách đường dây 220kV 274 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272 E15.50 (220kV Nam Cấm)	28/04	7.00	28/04	17.00
481	Tách MC 200 E15.1 (220kV Hưng Đông)	28/04	7.00	28/04	12.00
482	Tách MBA AT4; MC 234; MC 134 Trạm 500kV Nho Quan	28/04	8.00	28/04	18.00
483	Tách MC275 MC 200 TC C29 ĐD 275 E11.1 (220kV Thái Bình) - 272 A11.0 (NĐ Thái Bình)	28/04	12.0	28/04	18.0
484	Dùng MC100 thay lần lượt MC 173, 174, 176, 178 E1.6 (220kV Chèm) (Bảo vệ ngăn đường dây 173, 174, 176, 178)	28/04	12.00	28/04	17.00

	Gồm F87L ngăn 173, 174, 176, 178 và bảo vệ F21, F79 ngăn 100)				
485	Tách MBA AT1, MC 231, MC 131, MC 431 E1.45 (220kV Long Biên)	29/04	0.00	29/04	8.00
486	Tách MBA AT2, tách MC 232, 132, 432 E9.10 (220kV Nghi Sơn)	29/04	0.00	29/04	3.00
487	Tách ĐD 273 E11.1 (220kV Thái Bình) - 274 E28.20 (220kV Phố Cao); MC273 TC C29 E11.1 (220kV Thái Bình)	29/04	6.00	29/04	20.00
488	Tách TC C12 E23.1 (220kV Ninh Bình), Tách MC180, MC181 (Dùng MC100 thay lần lượt); ĐD180, ĐD181 có bảo vệ khoảng cách và quá dòng ngăn lộ 100)	29/04	7.00	29/04	18.00
489	Tách MC 273 E11.1 (220kV Thái Bình) (dùng MC200 thay thế MC273); Ngăn lộ vẫn còn chức năng bảo vệ khoảng cách F21 ngăn lộ 200 bảo vệ so lệch dọc F87L ngăn lộ 273	29/04	20.00	29/04	22.00
490	Tách lần lượt TC C11 C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	29/04	8.00	29/04	12.00
491	Tách lần lượt TC C21 C22 E11.15 (220kV Thái Thụy)	29/04	12.00	29/04	17.00
492	Tách lần lượt TC C11 C12 E11.15 (220kV Thái Thụy)	29/04	8.00	29/04	12.00

b. PTC2

**Trạm biến áp:*

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA T1 Trạm 220kV Hòa Khánh	05/04/25	07h39	05/04/25	11h36	x	
2	MBA AT3 Trạm 220kV Hòa Khánh	06/04/25	07h39	06/04/25	11h08	x	
3	MBA AT1 Trạm 220kV Tam Kỳ	09/04/25	07h21	09/04/25	23h04	x	
4	MBA AT3 Trạm 500kV Độc Sỏi	11/04/25	07h18	11/04/25	11h12	x	
5	MBA AT1 Trạm 220kV KonTum	14/04/25	08h02	25/04/25	17h44	x	
6	MBA AT1 Trạm 220kV Quảng Ngãi	16/04/25	06h45	18/04/25	11h03	x	
7	MBA AT2 Trạm 220kV Quảng Ngãi	21/04/25	06h45	22/04/25	18h21	x	
8	MBA T1 Trạm 220kV Thanh Mỹ	26/04/25	06h45	26/04/25	16h41	x	
9	MBA T3 Trạm 220kV Tam Kỳ	27/04/25	08h11	28/04/25	09h30	x	

** Đường dây:*

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN		Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu	Kết thúc		

		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		hoạch
1	ĐD 500kV 576 Đà Nẵng - 582 Dốc Sỏi	09/04/25	07h18	09/04/25	17h36	x	
2	ĐD 500kV 572 Đà Nẵng - 581 Thanh Mỹ 500	19/04/25	06h20	19/04/25	18h03	x	
3	ĐD 220kV 272 Đắk Ooc – 272 Xekaman 3	01/04/25	06h36	18/04/25	15h55	x	
4	ĐD 220kV 271 Tam Kỳ - 277 Dốc Sỏi	05/04/25	08h08	05/04/25	17h30	x	
5	ĐD 220kV 273 Vũng Áng - 271 Đồng Hới	05/04/25	06h22	05/04/25	17h29	x	
6	ĐD 220kV 273 Vũng Áng - 271 Đồng Hới	06/04/25	06h09	06/04/25	15h47	x	
7	ĐD 220kV 276 Hòa Khánh - 272 Huế	11/04/25	05h51	11/04/25	16h58	x	
8	ĐD 220kV 275 Hòa Khánh - 273 Huế	12/04/25	06h03	12/04/25	16h58	x	
9	ĐD 220kV 273 Dốc Sỏi - 271 Quảng Ngãi	12/04/25	15h08	12/04/25	22h35	x	
10	ĐD 220kV 271/T220 Sơn Hà – 278/T500 Dốc Sỏi	13/04/25	08h09	13/04/25	16h50	x	
11	ĐD 220kV 276 Thanh Mỹ 220 - 274 Hòa Khánh	14/04/25	06h16	14/04/25	17h09	x	
12	ĐD 220kV 271 Hải Châu - 272 Đà Nẵng	15/04/25	09h40	15/04/25	16h47	x	
13	ĐD 220kV 272 A Vương - 274 Thanh Mỹ 220	17/04/25	05h31	17/04/25	16h27	x	
14	ĐD 220KV 274/Ngũ Hành Sơn - 273/Duy Xuyên	17/04/25	06h29	17/04/25	17h22	x	
15	ĐD 220KV 274/Ngũ Hành Sơn - 273/Duy Xuyên	18/04/25	06h44	18/04/25	17h36	x	
16	ĐD 220kV 273 Dốc Sỏi - 271 Quảng Ngãi	19/04/25	14h54	19/04/25	22h43	x	
17	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	20/04/25	08h00	20/04/25	17h11	x	
18	ĐD 220kV 272 NMTĐ Sông Tranh 2 - 274 Tam Kỳ	20/04/25	08h05	20/04/25	17h20	x	
19	ĐD 220kV 275 Quảng Ngãi - 273 Phù Mỹ	24/04/25	16h16	25/04/25	00h07	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		

1	Cô lập MBA AT1, MC 231, MC 131, MC 431 trạm 220kV Cam Ranh.	01/04/2025	07h02	01/04/2025	15h09	x	
2	Cô lập MBA AT2, MC 232, MC 132 trạm 220kV Cam Ranh.	02/04/2025	06h31	02/04/2025	14h24	x	
3	Cô lập MC 573 trạm 500kV Vĩnh Tân.	02/04/2025	17h40	02/04/2025	20h10	x	
4	Cô lập MC 532 trạm 500kV Vĩnh Tân.	02/04/2025	20h47	02/04/2025	23h32	x	
5	Cô lập MBA T3, MC 133, MC 433 trạm 220kV Cam Ranh.	03/04/2025	06h17	03/04/2025	11h00	x	
6	Cô lập MBA AT1, MC 131, 431, TC C11 trạm 220kV Krông Ana.	03/04/2025	06h58	03/04/2025	11h10	x	
7	Cô lập ngăn MC100, TI100, 100-2, 100-9, thanh cái C12, C19, TU C12, TU C19 (chuyển các ngăn lộ 110kV về vận hành trên thanh cái C11) trạm 500kV Pleiku.	03/04/2025	06h32	03/04/2025	15h47	x	
8	Cô lập MC 272 (Dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh.	04/04/2025	14h29	04/04/2025	17h01	x	
9	Cô lập C21, MC 276 (Dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Ninh Phước	04/04/2025	17h45	04/04/2025	21h46	x	
10	Cô lập MC 171, thanh cái C11, C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	04/04/2025	06h48	04/04/2025	10h24	x	
11	Cô lập bảo vệ so lệch thanh cái 110kV (OFF chức năng F87B và F50BF); MC 171, 100, thanh cái C19 trạm 220kV Chư Sê.	04/04/2025	06h48	04/04/2025	21h24	x	
12	Cô lập MC 173, thanh cái C11, C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	04/04/2025	14h52	04/04/2025	17h43	x	
13	Cô lập ĐD 273_XTThuanBac-271_TTSolarNinhThuận.	04/04/2025	18h45	04/04/2025	23h18	x	
14	Cô lập MC 271 (Dùng MC 200 thay thế) TC C22 trạm 220kV Cam Ranh.	04/04/2025	07h19	04/04/2025	11h42	x	
15	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 441 trạm 220kV Vĩnh Hảo.	05/04/2025	18h01	05/04/2025	23h02	x	
16	Cô lập MC 174 (Dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn.	05/04/2025	07h28	05/04/2025	10h22	x	
17	MC 271, DCL 271-7, TU 271; ĐD 271 Cam Ranh -	05/04/2025	18h43	06/04/2025	0h21	x	

	272 Thiên Tân Solar Ninh Thuận						
18	Cô lập MC 574, 564 và DCL 574-7 trạm 500kV Vĩnh Tân	05/04/2025	17h54	05/04/2025	23h30	x	
19	Cô lập MC 176, thanh cái C11, C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	05/04/2025	14h59	05/04/2025	17h15	x	
20	Cô lập MBA T3, MC 133, 433, TC C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	06/04/2025	06h28	06/04/2025	14h24	x	
21	Cô lập ĐD 274 Sê San 3 – 272 Sê San 3A.	06/04/2025	07h47	06/04/2025	10h12	x	
22	Cô lập MC 200A, TC C29 trạm 500kV Pleiku.	07/04/2025	8h38	07/04/2025	16h42	x	
23	Cô lập DCL 173-1, TC C11 trạm 220kV Nha Trang.	08/04/2025	09h52	08/04/2025	10h35	x	
24	Cô lập DCL 171-1, Thanh cái C11 trạm 220kV Nha Trang.	08/04/2025	13h25	08/04/2025	15h52	x	
25	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 441 trạm 220kV Ninh Phước.	08/04/2025	17h24	09/04/2025	5h04	x	
26	Cô lập TC C52 và các MC 532, 572, 565, 574, 564, 578, K592., F87B, 50BF TC C52 trạm 500kV Pleiku.	08/04/2025	18h46	08/04/2025	20h25	x	
27	Cô lập TC C51 và các MC 571 573 535 531 575 577., F87B 50BF TC C51 trạm 500kV Pleiku	08/04/2025	14h55	08/04/2025	17h16	x	
28	Cô lập MC 200 trạm 220kV Cam Ranh.	08/04/2025	13h39	08/04/2025	16h10	x	
29	Cô lập MC 274 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Cam Ranh.	08/04/2025	06h46	08/04/2025	11h33	x	
30	Cô lập MC 112 trạm 220kV Quy Nhơn.	08/04/2025	06h35	08/04/2025	11h20	x	
31	Cô lập TC C22; MC 273 trạm 220KV Quy Nhơn(Dùng MC 200 thay thế 273) (09/04/2025 07:00 - 12/04/2025 07:00 (Liên tục)); BVSL dọc F87L đường dây 273 Quy Nhơn - 271 An Khê (09/04/2025 07:00 - 14/04/2025 07:00 (Liên tục)).	09/04/2025	09h06	14/04/2025	07h00	x	
32	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132; MBA AT3, MC 233, 133 trạm 220kV Phước Thái.	09/04/2025	07h28	10/04/2025	15h52	x	
33	Cô lập TC C21 trạm 500kV Pleiku 08/04/2025 12:00 - 08/04/2025 14:00 (Liên tục)); Cô lập TC C22	09/04/2025	13h49	09/04/2025	18h00	x	

	& C29 trạm 500kV Pleiku. (08/04/2025 14:00 - 08/04/2025 18:00 (Liên tục)).						
34	Cô lập MC 173 TU173 trạm 220kV Cam Ranh	09/04/2025	09h05	09/04/2025	13h55	x	
35	Cô lập MC 174 TU174 trạm 220kV Cam Ranh.	09/04/2025	09h05	09/04/2025	13h55	x	
36	Cô lập MC 172, TI172, TU172 trạm 220kV Đăk Nông.	09/04/2025	08h48	09/04/2025	13h37	x	
37	Cô lập Đường dây 220kV 273/Xuân Thiện - 271/ Thiên Tân; 276/Tháp Chàm - 274/Xuân Thiện; ngăn 276 Trạm 220kV Tháp Chàm (Cắt điện hàng đêm)	09/04/2025	18h00	11/04/2025	03h00	x	
38	Cô lập ĐD 272 Srepôk 3 - 272 Srepôk 4	10/04/2025	06h47	10/04/2025	14h15	x	
39	Cô lập MC 176 TU176 trạm 220kV Cam Ranh.	10/04/2025	08h14	10/04/2025	14h52	x	
40	Cô lập MC 175 TU175 trạm 220kV Cam Ranh.	10/04/2025	08h14	10/04/2025	14h52	x	
41	Cô lập MC 575, 565 Trạm 500kV Vĩnh Tân; ĐD 575 Vĩnh Tân-584 Sông Mây.	10/04/2025	20h49	11/04/2025	04h26	x	
42	Cô lập MC 582, 562 Vĩnh Tân.	11/04/2025	22h00	12/04/2025	02h35	x	
43	Cô lập MC 100, 112, TC C11, C19 trạm 220kV Cam Ranh.	11/04/2025	06h50	11/04/2025	14h51	x	
44	Cô lập MC 532, 561, 563, 585, TC C52 Vĩnh Tân.	11/04/2025	22h00	12/04/2025	02h35	x	
45	Cô lập MC 173 100; TU173 và thanh cái C19 TBA 220kV Tháp Chàm	11/04/2025	17h58	12/04/2025	05h55	x	
46	Cô lập MBA AT2, MC 132, DCL 132-3 T220 Tháp Chàm.	11/04/2025	17h58	11/04/2025	21h50	x	
47	Cô lập MC 273 thanh cái C22; C29 trạm 220kV Quy Nhơn; Chuyển khóa phân quyền SCADA trạm 220kV Quy Nhơn về điều khiển tại trạm; Cô lập bảo vệ F85 đường dây 273 Quy Nhơn – 271 NMTĐ An Khê.; ĐD 273 Quy Nhơn – 271 NMTĐ An Khê.	12/04/2025	08h50	14/04/2025	17h00	x	
48	Cô lập TC C12, TU C12 trạm 220kV Cam Ranh.	12/04/2025	09h05	12/04/2025	10h06	x	
49	Cô lập Đường dây 574 Di Linh- 571 EaNam	13/04/2025	20h17	13/04/2025	22h00		x
50	Cô lập ĐD 572 EaSup – Chơn Thành	13/04/2025	07h29	13/04/2025	18h03	x	
51	Cô lập MC 574, MC 563 trạm 500kV Pleiku; ĐD 574	13/04/2025	06h35	18/04/2025	18h00	x	

	Pleiku - 572 Yaly.						
52	Cô lập MC 171 DCL 171-7 TU 171 thanh cái C11 TBA 220kV Tuy Hòa	14/04/2025	15h44	14/04/2025	19h35	x	
53	Cô lập MBA AT2, MC 342, 232, 532, 562 trạm 500kV Pleiku2	14/04/2025	07h49	14/04/2025	17h16	x	
54	Cô lập TI 273 Trạm 500kV Pleiku2	14/04/2025	05h33	17/04/2025	16h26	x	
55	Cô lập thanh cái C22, C29, MC 200 trạm 220kV Quy Nhơn.	15/04/2025	07h59	22/04/2025	19h41	x	
56	Cô lập TC C21, MC 212, TU C21, DCL 212-1 (15/04/2025 06:00 - 15/04/2025 12:00 (Liên tục)); TC C22, MC 212, TU C22, DCL 212-2 (15/04/2025 12:00 - 15/04/2025 18:00 (Liên tục) trạm 500kV Pleiku2.	15/04/2025	08h02	15/04/2025	17h35	x	
57	Cô lập MBA AT1, MC 531, 563, 23,1 DCL 531-3, 231-3 Trạm 500kV Pleiku.	16/04/2025	06h22	28/04/2025	18h00	x	
58	Cô lập TC C21 trạm 500kV Pleiku. (16/04/2025 06:00 - 16/04/2025 09:00 (Liên tục)); Cô lập TC C22 C29 trạm 500kV Pleiku. (16/04/2025 10:00 - 16/04/2025 16:00 (Liên tục))	16/04/2025	06h57	16/04/2025	13h38	x	
59	Cô lập TC C52 và các MC 532, 572, 565, 574, 564, 578, K592, F87B, 50BF TC C52 trạm 500kV Pleiku.	17/04/2025	15h27	17/04/2025	19h10	x	
60	Cô lập MC 277, TU 277, DCL 277-7 TBA 500kV Pleiku; ĐD 277 Pleiku - 272 KonTum.	18/04/2025	06h35	18/04/2025	14h50	x	
61	Cô lập TC C29 trạm 500kV Đăk Nông.	18/04/2025	08h13	18/04/2025	16h50	x	
62	Cô lập MC MC K503 T500 Đăk Nông	18/04/2025	14h42	18/04/2025	22h15	x	
63	Cô lập MBA AT1, MC 231, 531, 561 trạm 500kV Pleiku2.	20/04/2025	05h21	20/04/2025	11h03	x	
64	Cô lập MC 278, TU 278, DCL 278-7 TBA 500kV Pleiku; ĐD 278 Pleiku - 271 KonTum.	19/04/2025	06h38	19/04/2025	13h58	x	
65	Cô lập MC 175, TI175, DCL 175-1 trạm 500kV Pleiku.	20/04/2025	11h08	20/04/2025	17h42	x	
66	Cô lập MC 563, 573, KH503 trạm 500kV Pleiku2; ĐD 573PK2-571EaSup.	20/04/2025	06h40	20/04/2025	17h32	x	
67	Cô lập MC 100, TI100	20/04/2025	09h01	20/04/2025	10h38	x	

	trạm 500kV Pleiku.						
68	Cô lập ĐD 273 Pleiku 2 - 271 Xekaman 1	20/04/2025	15h50	20/04/2025	17h32	x	
69	Cô lập MC 531 530 231 230 341 AT1 trạm 500kV Vĩnh Tân	21/04/2025	18h28	22/04/2025	0h55	x	
70	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132 trạm 220KV Quy Nhơn	21/04/2025	11h47	21/04/2025	17h39	x	
71	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131trạm 220KV Quy Nhơn	22/04/2025	08h05	22/04/2025	17h00	x	
72	Cô lập MC 273 (dùng MC 200 thay thế), 212, TC C21 trạm 220kV Cam Ranh.	22/04/2025	07h15	22/04/2025	14h00	x	
73	Cô lập KH594, K594 trạm 500kV Pleiku2.	22/04/2025	07h57	22/04/2025	16h16	x	
74	Cô lập KH591, K591 trạm 500kV Pleiku2	23/04/2025	06h48	23/04/2025	14h00	x	
75	Cô lập MC 178 thanh cái C11 C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	24/04/2025	10h30	24/04/2025	17h00	x	
76	Cô lập KH592, K592 trạm 500kV Pleiku2	24/04/2025	06h39	24/04/2025	13h40	x	
77	Cô lập TU C11 trạm 220kV Nha Trang.	24/04/2025	15h50	24/04/2025	17h22		x
78	Cô lập MC 177 thanh cái C11 C19 trạm 220kV Quy Nhơn.	24/04/2025	06h43	24/04/2025	09h48	x	
79	Cô lập MC 273 (dùng MC 200 thay thế) T220 Tháp Chàm	24/04/2025	17h12	24/04/2025	17h40		x
80	Cô lập ĐD 273 KrongBuk - 271 Nha Trang	25/04/2025	17h42	25/04/2025	20h05	x	
81	Cô lập MC 200A và TC C29 trạm 500kV Pleiku	27/04/2025	08h21	27/04/2025	17h18	x	
82	Cô lập KH502 trạm 500kV Đắk Nông	27/04/2025	21h00	27/04/2025	23h50	x	
83	Cô lập MBA AT1trạm 500kV Di Linh	27/04/2025	04h18	27/04/2025	06h55	x	
84	Cô lập MBA AT2 AT1 trạm 500kV Di Linh	27/04/2025	00h29	27/04/2025	03h15	x	
85	Cô lập kháng điện KH503 AT1 trạm 500kV Di Linh	27/04/2025	08h12	27/04/2025	11h06	x	
86	Cô lập kháng điện KH504 AT1 trạm 500kV Di Linh	27/04/2025	12h31	27/04/2025	15h02	x	
87	Cô lập KH502, MC K502 T500 Pleiku	27/04/2025	12h16	27/04/2025	14h07	x	
88	Cô lập KH505, MC K505 T500 Pleiku	27/04/2025	14h39	27/04/2025	17h05	x	
89	Cô lập KH504 trạm 500kV Đắk Nông	27/04/2025	18h34	27/04/2025	21h30	x	
90	Cô lập ĐD 574/Pleiku 2 - 572/Chơn Thành.	27/04/2025	09h24	27/04/2025	10h49	x	
91	Cô lập TC C51 và các MC 571, 573, 535, 531, 575, 577; F87B, 50BF, TC C51 T500 Pleiku.	27/04/2025	18h25	27/04/2025	20h50	x	

92	Cô lập TC C21 (28/04/2025 12:00 - 28/04/2025 14:00 (Liên tục)) TC C22 (28/04/2025 14:00 - 28/04/2025 18:00 (Liên tục)) T500 Pleiku.	28/04/2025	13h05	28/04/2025	19h50	x	
93	Cô lập ĐD 280/T500 Đăk Nông - 271/Đồng Nai 5, MC 280, TI280, TC C29, lần lượt TC C21, C22 TBA 500kV Đăk Nông.	31/03/2025	6h00	31/03/2025	16h00	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 500kV Long Thành	AT2	27/04	23:00	28/04	03:00	x	
2	Trạm 500kV Ô Môn	KH502	27/04	13:37	27/04	17:00	x	
3	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	C12	27/04	08:46	27/04	14:46	x	
4	Trạm 220kV Bình Long	431	27/04	08:35	27/04	16:04	x	
5	Trạm 500kV Ô Môn	KH501	27/04	08:13	27/04	12:44	x	
6	Trạm 500kV Sông Mỹ	173	27/04	07:50	27/04	13:25	x	
7	Trạm 500kV Phú Mỹ	AT2	26/04	23:56	27/04	06:33	x	
8	Trạm 500kV Tân Định	KH504	26/04	13:02	26/04	19:00	x	
9	Trạm 220kV Tao Đàn	132	26/04	00:03	26/04	05:59	x	
10	Trạm 220kV Bình Long	C22	24/04	08:54	24/04	14:11	x	
11	Trạm 220kV Ô Môn 2	272	23/04	07:00	23/04	17:00	x	
12	Trạm 220kV Tây Ninh	T101	23/04	06:00	23/04	15:00	x	
13	Trạm 220kV Trà Nóc	132	23/04	00:17	23/04	03:37	x	
14	Trạm 220kV Bình Long	173	22/04	08:09	22/04	20:04	x	
15	Trạm 500kV Đức Hòa	571	22/04	08:03	22/04	17:00	x	
16	Trạm 500kV Cầu Bông	C29	21/04	08:50	21/04	16:00	x	
17	Trạm 500kV Đức Hòa	564	21/04	06:00	22/04	19:45	x	
18	Trạm 220kV Long Thành	C22	20/04	17:30	20/04	18:00	x	
19	Trạm 220kV Nhà Bè	178	20/04	08:00	20/04	18:00	x	
20	Trạm 220kV Bình Chánh	AT2	20/04	08:00	20/04	16:00	x	
21	Trạm 500kV Phú Lâm	133	20/04	07:00	20/04	20:00	x	
22	Trạm 220kV Cần Thơ 2	179	20/04	06:00	20/04	17:00	x	
23	Trạm 220kV Mỹ Phước	431	19/04	22:00	21/04	04:00	x	
24	Trạm 220kV Long Thành	C21	19/04	17:35	19/04	19:40	x	
25	Trạm 220kV Cát Lái	275	19/04	09:00	19/04	16:00	x	
26	Trạm 220kV Mô Cày	C12	19/04	08:10	19/04	13:35	x	
27	Trạm 220kV Trà Nóc	173	18/04	07:35	18/04	17:35	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
28	Trạm 500kV Sông Mây	571	17/04	09:00	17/04	15:39	x	
29	Trạm 220kV Xuân Lộc	431	17/04	08:25	17/04	19:09	x	
30	Trạm 500kV Phú Lâm	200	17/04	08:23	17/04	11:01	x	
31	Trạm 220kV Trà Nóc	172	17/04	08:13	17/04	16:29	x	
32	Trạm 220 kV Cai lậy	172	17/04	06:03	20/04	19:03	x	
33	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	174	17/04	06:00	18/04	18:00	x	
34	Trạm 500kV Long Phú	563	15/04	09:40	15/04	15:01	x	
35	Trạm 500kV Tân Định	C29	14/04	22:16	15/04	01:45	x	
36	Trạm 500kV Long Thành	C24, C25	14/04	21:38	14/04	22:22	x	
37	Trạm 220kV Nhà Bè	C22	13/04	17:15	13/04	22:20	x	
38	Trạm 500kV Sông Mây	C29	13/04	09:04	13/04	21:40	x	
39	Trạm 220kV Bình Chánh	AT1	13/04	08:39	14/04	00:20	x	
40	Trạm 220kV Long Thành	C22	13/04	08:20	13/04	13:26	x	
41	Trạm 220 kV Cai lậy	433	13/04	07:20	14/04	05:17	x	
42	Trạm 220kV Cần Đước	175	13/04	07:15	13/04	14:41	x	
43	Trạm 220kV Tây Ninh	174	12/04	09:42	12/04	13:37	x	
44	Trạm 220kV Cát Lái	435	12/04	08:51	12/04	20:00	x	
45	Trạm 220kV Bàu Đôn	172	11/04	11:14	11/04	18:58	x	
46	Trạm 220kV Cần Thơ 2	C12	11/04	07:26	11/04	14:27	x	
47	Trạm 220kV Tây Ninh	441	11/04	07:21	11/04	16:16	x	
48	Trạm 500kV Duyên Hải	284	11/04	07:10	11/04	16:56	x	
49	Trạm 220kV Thủ Đức	AT1	10/04	22:15	11/04	00:57	x	
50	Trạm 500kV Mỹ Tho	278	10/04	15:04	10/04	17:03	x	
51	Trạm 220kV Nhà Bè	C21	10/04	09:15	10/04	10:40	x	
52	Trạm 220kV Tân Thành	173	10/04	07:14	10/04	12:08	x	
53	Trạm 220kV Trảng Bàng	171	10/04	06:43	10/04	13:05	x	
54	Trạm 220kV Long Thành	132	10/04	01:30	10/04	04:10	x	
55	Trạm 500kV Mỹ Tho	277	09/04	15:51	09/04	17:06	x	
56	Trạm 500kV Mỹ Tho	276	09/04	09:03	09/04	14:47	x	
57	Trạm 500kV Duyên Hải	C52	09/04	06:15	10/04	17:00	x	
58	Trạm 220kV Bến Tre	C12	08/04	09:31	09/04	17:00	x	
59	Trạm 220kV Bến Lức	C22	08/04	07:35	08/04	11:37	x	
60	Trạm 220kV Tân Thành	177	08/04	07:32	08/04	13:21	x	
61	Trạm 220kV Châu Đức	231	08/04	07:29	08/04	15:19	x	
62	Trạm 500kV Sông Mây	531	06/04	18:40	07/04	00:22	x	
63	Trạm 500kV Đức Hòa	562	06/04	09:30	06/04	17:28	x	
64	Trạm 500kV Long Phú	531	06/04	08:55	06/04	16:07	x	
65	Trạm 220kV Nhà Bè	C22	05/04	16:31	05/04	19:43	x	
66	Trạm 220kV Vũng Tàu	212	05/04	08:30	05/04	17:20	x	
67	Trạm 500kV Duyên Hải	C52	05/04	08:00	05/04	17:35	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
68	Trạm 220kV Trảng Bàng	C22	05/04	07:55	05/04	15:35	x	
69	Trạm 220kV Bình Long	178	05/04	06:45	06/04	16:44	x	
70	Trạm 500kV Duyên Hải	283	05/04	06:00	06/04	17:00	x	
71	Trạm 500kV Duyên Hải	583	05/04	06:00	07/04	17:00	x	
72	Trạm 220kV Trảng Bàng	275	04/04	07:43	04/04	16:42	x	
73	Trạm 220kV Long Thành	179	03/04	21:33	03/04	22:38	x	
74	Trạm 500kV Tân Định	C29	03/04	09:02	03/04	17:55	x	
75	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	03/04	07:52	03/04	15:49	x	
76	Trạm 220kV Châu Đốc	271	03/04	06:55	04/04	15:25	x	
77	Trạm 220kV Long Thành	178	02/04	22:40	02/04	23:55	x	
78	Trạm 220kV Trà Nóc	C11	02/04	09:08	02/04	10:03	x	
79	Trạm 220kV Cà Mau	C11	02/04	08:15	02/04	14:16	x	
80	Trạm 220kV Nhà Bè	C22	02/04	07:45	02/04	09:57	x	
81	Trạm 220kV Vũng Tàu	231	01/04	09:54	01/04	16:34	x	
82	Trạm 500kV Sông Mỹ	C12	01/04	09:48	01/04	14:17	x	
83	Trạm 220kV Tây Ninh	C12	01/04	06:54	01/04	14:24	x	

II	Đường dây						
1	220kV Duyên Hải (274) - Trà Vinh (276)	28/04	08:15	28/04	14:15		x
2	Sông Hậu (573) - Đức Hòa (571)	27/04	06:20	27/04	17:21	x	
3	220kV Bình Chánh (275) - Phú Lâm (276)	20/04	08:00	20/04	17:00	x	
4	220kV Sông Mỹ (273) - Long Bình (273)	20/04	06:00	20/04	14:00	x	
5	220kV Cần Thơ (275) - Trà Nóc (271)	18/04	07:33	18/04	17:33	x	
6	220kV NMĐ Cà Mau (278,258) - Cà Mau 2 (271)	18/04	06:50	18/04	18:00	x	
7	220kV Cai Lậy (278) - Vĩnh Long (275)	15/04	06:48	15/04	15:15	x	
8	220 kV NMĐ Cà Mau (286,256) - Rạch Giá (276) mạch 3	14/04	06:15	14/04	17:02	x	
9	220kV Cai Lậy (279) - Vĩnh Long (276)	14/04	06:14	14/04	16:02	x	
10	572 Xuân Thiện EASUP - 571 Chợ Thành	13/04	07:32	13/04	18:07	x	
11	220kV Phú Lâm (274) - Bến Lức (275)	13/04	06:13	13/04	16:29	x	
12	584 Cầu Bông - 584 Đức Hoà	12/04	06:00	14/04	17:00	x	
13	220kV TBA 500kV Long Thành (280) - An Phước (272)	11/04	07:05	12/04	00:40	x	
14	220 kV NMĐ Cà Mau (276,256) - Rạch Giá (277) mạch 2	11/04	05:47	11/04	15:08	x	
15	220kV NMĐ Nhơn Trạch (271) - Nhà Bè (273)	09/04	07:00	13/04	22:00	x	
16	220 kV NMĐ Cà Mau (273,253) -	09/04	06:34	09/04	15:57	x	

	Rạch Giá (273) đoạn 01 mạch						
17	220kV Hàm Tân (271) - Tân Thành (276)	08/04	16:30	08/04	22:25	x	
18	500kV Phú Mỹ (564,574) - Long Thành (562, 572)	06/04	08:46	06/04	16:59	x	
19	220kV Tân Định (273) - Bình Hòa (273)	06/04	07:53	06/04	12:55	x	
20	220kV Sóc Trăng (276) - Vĩnh Châu (277)	06/04	07:40	06/04	13:15	x	
21	500kV Vĩnh Tân (574,564) - Sông Mỹ (574, 564)	05/04	17:00	05/04	23:30	x	
22	220kV NMĐ Nhơn Trạch (274) - Thủ Đức (275)	05/04	17:00	06/04	06:00	x	
23	220kV TTĐL Long Phú (283,253) - Sóc Trăng (275)	05/04	07:40	05/04	14:45	x	
24	220 kV Kiên Bình (272) - Châu Đốc (273)	05/04	06:45	05/04	18:03	x	
25	220kV Bạc Liêu (273) - Sóc Trăng (271)	04/04	08:00	04/04	15:15	x	
26	220kV NMĐ Cà Mau (272, 252) - Ô Môn 2 (273, 253)	04/04	06:30	04/04	15:47	x	
27	220kV Vĩnh Long (271) - Trà Vinh (273)	03/04	07:10	03/04	18:18	x	
28	220kV NMĐ Phú Mỹ (257, 277) - Nhà Bè (272)	02/04	08:52	05/04	19:30	x	
29	220kV Xuân Lộc (272) - Long Thành (276)	02/04	08:00	02/04	15:57	x	
30	220kV NMĐ Cà Mau (275, 255) - Ô Môn 2 (283, 253)	02/04	07:47	02/04	16:13	x	
31	220kV Mỹ Tho (271) - Cai Lậy (272)	02/04	06:35	02/04	15:06	x	
32	220kV Vĩnh Long (272) - Trà Vinh (274)	02/04	05:45	02/04	16:09	x	
33	220kV Ô Môn 2 (271, 251) - Trà Nóc (272)	01/04	09:16	02/04	15:22	x	
34	220kV Thốt Nốt (274) - Châu Đốc (272)	01/04	07:45	02/04	14:53	x	
35	220kV Mỹ Xuân (275) - Cát Lái (272)	01/04	06:26	10/04	18:00	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
500kV					
1	Trạm 500kV Chơn Thành - C52	7	7.00	528.1	
2	Trạm 500kV Ô Môn - C51	1	1.00	525.2	
3	Trạm 500kV Phú Mỹ - C51	1	1.00	525.5	
4	Trạm 500kV Thanh Hóa - C52	249	249.00	536.1	
5	Trạm 500kV Thạnh Mỹ - C52	4	4.00	527.5	
6	Trạm 500kV Vũng Áng - C51	6	6.00	530.0	
220kV					
1	Trạm 220kV Tuyên Quang - C21	2	2.00	243.4	

2	Trạm 220kV Yên Bái - C21	3	3.00	242.6	
---	--------------------------	---	------	-------	--

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được (kWh)		Lũy kế năm 2025 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 04/2025	Tháng 03/2025		
1	EVNNPT	1,349,467	0	1,349,467	1,349,467

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải (TTĐN) tháng 04/2025 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2024:

Đơn vị		Tháng 4/2024			Tháng 4/2025			So sánh Δ^{25-24}				KH TTĐN 2025 (%)	So sánh với KH2025
		SL (tỷ kWh)	TTĐN (tỷ kWh)	TTĐN (%)	SL (tỷ kWh)	TTĐN (tỷ kWh)	TTĐN (%)	SL (tỷ kWh)	SL (%)	TTĐN (tỷ kWh)	TTĐN (%)		
TTĐ1	Chung	10,73	0,22	2,01%	11,01	0,20	1,86%	0,27	2,53%	-0,011	-0,15%	2,18%	-0,32%
	500kV	4,64	0,08	1,73%	5,16	0,08	1,46%	0,52	11,26%	-0,005	-0,27%	1,88%	-0,42%
	220kV	11,02	0,14	1,23%	11,07	0,13	1,17%	0,05	0,47%	-0,006	-0,06%	1,24%	-0,07%
TTĐ2	Chung	1,70	0,04	2,20%	2,17	0,05	2,23%	0,47	27,61%	0,011	0,03%	2,76%	-0,53%
	500kV	0,96	0,03	3,19%	1,33	0,03	2,47%	0,37	37,98%	0,002	-0,72%	2,85%	-0,38%
	220kV	1,17	0,01	0,59%	1,18	0,02	1,33%	0,01	1,00%	0,009	0,74%	1,63%	-0,30%
TTĐ3	Chung	5,89	0,12	2,02%	5,93	0,11	1,88%	0,04	0,67%	-0,007	-0,14%	1,95%	-0,07%
	500kV	4,39	0,07	1,49%	4,50	0,06	1,39%	0,11	2,47%	-0,003	-0,10%	1,36%	0,03%
	220kV	2,70	0,05	1,97%	3,06	0,05	1,61%	0,36	13,25%	-0,004	-0,36%	1,63%	-0,02%
TTĐ4	Chung	10,46	0,15	1,46%	10,19	0,12	1,21%	-0,27	-2,57%	-0,030	-0,25%	1,10%	0,11%
	500kV	6,52	0,06	0,98%	6,58	0,04	0,64%	0,06	0,94%	-0,022	-0,34%	0,58%	0,06%
	220kV	10,06	0,09	0,89%	10,07	0,08	0,81%	0,01	0,11%	-0,008	-0,08%	0,74%	0,07%
NPT	Chung	22,48	0,53	2,34%	22,14	0,49	2,20%	-0,34	-1,51%	-0,037	-0,14%	2,40%	-0,20%
	500kV	11,24	0,24	2,14%	11,46	0,21	1,86%	0,22	1,92%	-0,028	-0,28%	2,01%	-0,15%
	220kV	23,92	0,28	1,19%	24,34	0,28	1,13%	0,42	1,77%	-0,010	-0,06%	1,19%	-0,06%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: xảy ra 01 sự cố đường dây 500kV, đồng thời do ảnh hưởng của sự cố đã gây nhảy máy cắt các TBA 500kV, 220kV đầu nối lưới điện khu vực Vĩnh Tân dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải:

- Ngày 23/4/2025, xảy ra sự cố kéo dài pha C đường dây 500kV 572 Tân Uyên - 576 Vĩnh Tân, đồng thời gây mất điện các TBA 500kV Vĩnh Tân, Vân Phong, mất điện toàn trạm các TBA 220kV Vĩnh Hảo, Phước Thái, Tháp Chàm; TBA 220kV Ninh Phước nhảy các ngăn 275, 277, 278; TBA 220kV Phan Rí 2 nhảy các ngăn 271, 272, 273; TBA 220kV Phan Thiết 2 nhảy các ngăn 271, 273, 276. Ảnh hưởng sự cố gây mất liên kết lưới 500kV Vĩnh Tân - Sông Mỹ - Tân Uyên và 220kV Phan Thiết - Hàm Tân làm gián đoạn liên kết lưới điện khu vực Vĩnh Tân cấp điện vào miền Nam, điện áp lưới điện 500kV và 220kV khu vực Vĩnh Tân và các TBA lân cận tăng cao gây tác động chức năng quá áp, hệ thống thiếu hụt nguồn đã dẫn đến tần số hệ thống giảm thấp và tác động sa thải phụ tải theo tần số thấp đối với các ngăn lộ trung áp (ngưỡng chỉnh định 49Hz và 48,8Hz).

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 04/2025 xảy ra 03 lỗi kết nối tín hiệu SCADA, giảm 03 lỗi kết nối so với tháng 03/2025.

- **Miền Bắc:** xảy ra 02 lỗi kết nối SCADA tại trạm 02 trạm 220kV Bắc Ninh 2, Phú Bình. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Trung:** xảy ra 01 lỗi kết nối SCADA tại trạm 01 trạm 220kV Tam Kỳ. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Nam:** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	2	2	0
Miền Trung	1	1	1
Miền Nam	0	0	-4
EVNNPT	3	3	-3

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN <http://quanlysuco.evn.com.vn>